

Phần mở đầu

Lý do chọn đề tài.....	3
Mục đích nghiên cứu đề tài khoa học.	4
Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
Phương pháp nghiên cứu.....	5
Nội dung đề tài khoa học.	5

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Khái niệm du lịch.	6
1.2. Tài nguyên du lịch.....	7
1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên.	10
1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn.	10
1.5. Tiểu kết.....	24

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TẠI CÁC DI TÍCH THỜ DANH NHÂN VĂN HÓA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

2.1. Nét khái quát về quê hương danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.....	25
2.2. Thân thế của danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm	27
2.3. Sự nghiệp của danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm	28
2.4. Các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.....	38

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ CÁC DI TÍCH THỜ DANH NHÂN VĂN HOÁ NGUYỄN BÌNH KHIÊM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Thu nhập, sưu tầm, nghiên cứu và soạn thảo tư liệu, tài liệu liên quan đến cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của Trạng Trình.	58
3.2. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy vai trò của các di tích thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm trong phát triển du lịch.....	59
3.3. Giải pháp về duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống.	61
3.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	62
3.5. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch.	64
3.6. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch.....	65
3.7. Thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch.	65
3.8. Đẩy mạnh sản xuất và đa dạng hoá nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.	66
3.9. Nâng cao ý thức người dân về du lịch.	67
3.10. Hoàn thiện cơ chế chính sách về du lịch, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch.	68
3.11. Các kiến nghị khác	69
Kết luận	71

Tài liệu tham khảo.

Phụ lục.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Người đời thường biết đến Nguyễn bỉnh Khiêm dưới danh hiệu Trạng Trình, có những bài "sấm" trứ danh đoán những việc xảy ra tới hàng trăm năm sau khi ông mất, hoặc là một nhà thơ ẩn dật cầu nhàn sau khi chán nản trước công danh. Ông là một kẻ sĩ với lòng yêu nước thương nòi, cả đời bận tâm đến sự an nguy hạnh phúc của dân hơn cả chính bản thân. Nơi ông, văn cũng như người, đã biểu lộ một tâm hồn trong sáng thanh cao, với đạo lý rạng ngời của Nho gia kết hợp cùng vẻ đẹp của truyền thống Việt. Qua cuộc đời và tác phẩm, chúng ta cùng tìm hiểu một con người mà "bóng mát đạo đức" đã trùm lên gần cả 1 thế kỷ đau thương của quê hương và dân tộc : Thời Nam Bắc triều, sẽ mở màn cho cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh.

Trải qua hàng trăm năm, trên quê hương ông đã có biết bao sự đổi thay, nhưng nhân dân nơi đây vẫn nhớ và tự hào về ông như một người thầy mẫu mực. Đến với di tích từng lưu dấu trạng Trình lại nhớ đến câu thơ Trạng:

“Cảnh cũ vẫn còn non nước cũ”

Trải qua bao biến cố thời gian, nhưng cảnh cũ dường như chẳng đổi khác là bao. Cảnh cũ vẫn còn, non nước vẫn nghìn thu.

Ngày nay, khi cuộc sống của con người ngày càng được cải thiện theo hướng hiện đại hoá thì nhu cầu được đi du lịch ngày càng được chú trọng. Bên cạnh những nhu cầu vui chơi giải trí của tài nguyên du lịch tự nhiên thì con người cũng rất chú ý đến những giá trị tài nguyên nhân văn. Đó chính là nhu cầu được trở về với cội nguồn, tìm hiểu những nét đẹp văn hoá, các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, cùng các trò chơi dân gian, phong tục tập quán của cộng đồng địa phương. Nó không những mô tả cuộc sống chiến đấu lao động của con người ở mỗi miền quê gắn với những danh nhân văn hoá lịch sử của dân tộc, mà nó còn phản ánh những khát vọng trong

đời sống tâm linh của con người, mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, hướng con người ta vươn tới cái chân, thiện, mỹ mang ý nghĩa nhân văn cao đẹp.

Chính yếu tố này là một điểm mạnh để Hải Phòng có những định hướng phát triển Du lịch nhân văn, làm phong phú cho loại hình du lịch này. Khai thác tốt các giá trị tài nguyên nhân văn thuộc khu di tích đền trạng Nguyễn Bình Khiêm sẽ tạo thế mạnh để phát triển du lịch ở Vĩnh Bảo nói riêng và người dân Hải Phòng nói chung. Tuy nhiên trên thực tế việc khai thác tài nguyên du lịch này vẫn còn nhiều vấn đề bất cập. Các giá trị tài nguyên nhân văn vẫn chưa được khai thác triệt để, chưa có kế hoạch cụ thể về quy hoạch tài nguyên cũng như sự kiểm soát, quản lý cùng những chính sách về phát triển du lịch của chính quyền địa phương

Bởi lẽ đó tôi đã chọn đề tài: “Tìm hiểu các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm ở huyện Vĩnh Bảo – TP Hải Phòng - phục vụ phát triển du lịch”. Qua việc tìm hiểu về tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch của di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm, tôi đã đưa ra mục tiêu chung và một số đề xuất cụ thể để phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị to lớn vốn có, liên quan đến cuộc đời của danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm, để đất “ học” của Hải Phòng trở thành một khu du lịch hấp dẫn, xứng với tiếng tăm của một con người vĩ đại như danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.

2. Mục đích nghiên cứu khoá luận

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu một về các di tích thờ, lễ hội Nguyễn Bình Khiêm. Mô tả thực trạng, đánh giá các giá trị của di tích.

Thông qua quá trình tìm hiểu thực tiễn, vận dụng những kiến thức đã học, từ đó đề ra một số giải pháp, kiến nghị, khai thác quy hoạch, bảo tồn và tôn tạo các di tích thờ Nguyễn Bình Khiêm, lễ hội ở huyện Vĩnh Bảo phục vụ phát triển du lịch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các di tích thờ danh nhân Nguyễn Bình Khiêm, bao gồm khu đền Trạng, Chùa Thái, Chùa Mét, Am Bạch Vân, Quán Trung Tân và một số công trình phụ trợ khác.

Phạm vi nghiên cứu là trong khu vực Làng Trung Am, và một số nơi có liên quan trực tiếp đến danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm thuộc - Huyện Vĩnh Bảo, trong đó làng Trung Am là nơi tập trung nhiều nhất những di tích, đền thờ ông.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài khoá luận này tác giả đã sử dụng tổng hợp những phương pháp nghiên cứu sau.

- Phương pháp thống kê.
- Phương pháp khảo sát thực địa.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

5. Nội dung khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khoá luận được trình bày trong ba chương.

Chương 1. Cơ sở lí luận về tài nguyên nhân văn phục vụ phát triển du lịch.

Chương 2: Thực trạng khai thác du lịch tại các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

Chương 3: Một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm phục vụ phát triển du lịch

CHƯƠNG 1.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Đề tài nghiên cứu khoa học này sử dụng một số cơ sở lý luận về chuyên ngành du lịch, đề cập đến một số khái niệm, vai trò, đặc điểm của tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn.

1.1. Khái niệm du lịch

Du lịch là một hiện tượng tồn tại khách quan nằm trong nội tại phát triển của xã hội loài người, do nhu cầu tìm hiểu về vật chất như nhận biết các cảnh quan, chỗ ở, món ăn, phương tiện đi lại, các trò chơi khác lạ,... và nhu cầu tìm hiểu các giá trị tinh thần như nhận biết về văn hoá, lịch sử, văn học nghệ thuật, phong tục tập quán, lễ hội,... để con người cân bằng cuộc sống của mình trong xã hội và trước thiên nhiên.

Hiện tượng du lịch xuất hiện từ thời kì Cổ đại với hình thức dễ nhận biết đó là du lịch tôn giáo: Hành hương đến các thánh địa, chùa chiền, các nhà thờ kitô giáo. Đến thời Trung đại, ngoài những cuộc hành hương tôn giáo còn xuất hiện du lịch công vụ, du lịch tham quan, du lịch tiếp thị của giới quý tộc. Sang thời kỳ Cận đại, do thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp, nền kinh tế thế giới phát triển vượt bậc, đời sống con người ngày càng được nâng cao, du lịch đã được chú trọng phát triển hơn, đặc biệt là ở các nước châu Âu. Bước sang thập kỷ 60 của thời kỳ Hiện đại, với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai, cách mạng công nghệ tin học và cách mạng sinh học, mức sống của con người ngày càng được nâng cao, quá trình đô thị hoá phát triển vượt bậc làm xuất hiện nhu cầu được trở về với thiên nhiên, với cội nguồn văn minh nông nghiệp, đồng thời cũng xuất hiện nhu cầu tìm hiểu, khám phá những thành tựu của nền văn hoá, kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển cao ở những trung tâm lớn trên thế giới. Các dòng du lịch Đông – Tây được

hình thành. Sự bùng nổ du lịch ngày nay là một tất yếu khách quan, cùng với sự tăng trưởng về kinh tế, xu thế hoà nhập với nhu cầu của con người muốn tìm hiểu chính mình, tìm hiểu xã hội, thiên nhiên và vũ trụ. Du lịch không chỉ mang ý nghĩa thông thường trong việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi, giải trí,... mà nó còn được nhìn nhận như một hoạt động gắn với những kết quả kinh tế do chính mình tạo ra.

“Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu thăm quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”).

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Khái niệm tài nguyên

Qua nghiên cứu, có rất nhiều tác giả đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về Tài nguyên. Mỗi định nghĩa đều mang những nét chung đặc thù của nó, song chúng ta có thể đề cập đến một số định nghĩa chung nhất về tài nguyên như sau:

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh: “Tài nguyên là tất cả những nguồn thông tin, vật chất, năng lượng được khai thác phục vụ cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên, những khả năng của loài người,... Được sử dụng phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng”.

Theo Phạm Trung Lương , đã định nghĩa: “ Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng và thông tin có trên trái đất và không gian vũ trụ liên quan, mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình”.

Cả hai khái niệm trên đều diễn tả đặc tính chung của tài nguyên, song mỗi khái niệm đều hàm chứa những ưu điểm và hạn chế nhất định. Phát huy ưu điểm và

giảm thiểu những hạn chế, ta có thể đưa ra một khái niệm tài nguyên đơn giản và dễ hiểu như sau:

Tài nguyên là “ *Tất cả những gì thuộc về tự nhiên và tất cả những sản phẩm do con người tạo ra, có thể được con người sử dụng vào sự phát triển kinh tế và xã hội để tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường trong quá trình lịch sử phát triển của loài người*”.

1.2.2. Khái niệm tài nguyên du lịch.

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ.

Thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hoá - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Theo các nhà khoa học Du lịch Trung Quốc định nghĩa: “Tất cả giới tự nhiên và xã hội loài người có sức hấp dẫn khách du lịch, có thể sử dụng cho ngành Du lịch, có thể sản sinh ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường đều có thể gọi là Tài nguyên Du lịch”.

Theo Pirojnik định nghĩa: “Tài nguyên du lịch là những tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”.

Khoản 4 (Điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định:

“Tài nguyên Du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, Di tích Lịch sử Văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn

khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

Tổng hợp từ những định nghĩa trên chúng ta có thể đưa ra một khái niệm bao quát nhất về tài nguyên du lịch như sau:

“Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

1.2.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch

✓ Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ, nghỉ ngơi du lịch.

✓ Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

✓ Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

✓ Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

✓ Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các quy định về sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chung.

1.2.4. Vai trò của tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hoá của ngành du lịch. Quy mô hoạt động du lịch của một vùng, một quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du

lịch quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch các loại với chất lượng cao, có sức hấp dẫn khách du lịch lớn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách du lịch càng mạnh.

1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm: Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn, hệ động, thực vật.

Theo khoản 1 (Điều 13, Chương II) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: *“Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch”*.

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên không tồn tại độc lập mà luôn luôn tồn tại, phát triển trong cùng một không gian lãnh thổ nhất định, nó có mối quan hệ qua lại, tương hỗ chặt chẽ theo những quy luật của tự nhiên cũng như các điều kiện văn hoá, kinh tế - xã hội và thường được phân bố gắn các tài nguyên du lịch nhân văn. Thực tế, khi tìm hiểu và nghiên cứu về tài nguyên du lịch tự nhiên, các nhà nghiên cứu thường nghiên cứu theo từng thành phần tự nhiên, các thể tổng hợp tự nhiên có điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch, các di sản thiên nhiên thế giới và các điểm tham quan tự nhiên.

1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn:

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công

trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn là các đối tượng và hiện tượng xã hội cùng các giá trị văn hoá, lịch sử của chúng có sức hấp dẫn du khách và được khai thác để kinh doanh du lịch. Trong số các tài nguyên du lịch nhân văn thì các di sản văn hoá có vị trí đặc biệt.

Trong Luật di sản văn hoá của Việt nam thì di sản văn hoá được chia làm 2 loại, đó là di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể.

❖ *Di sản văn hoá vật thể*

✓ “ Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”.

✓ “ Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học”

✓ “ Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học”.

✓ “ Di vật là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học”.

✓ “ Cổ vật là hiện tượng được lưu truyền lại có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học từ một trăm năm tuổi trở lên”.

✓ “ Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học”.

❖ *Di sản văn hoá phi vật thể*

“ Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử - văn hoá, khoa học, được lưu truyền bằng trí nhớ, chữ viết, được truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm

văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết nghề nghiệp thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian”.

❖ *Đặc điểm*

Do những nét đặc trưng và tính chất của mình, tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc điểm khác với tài nguyên du lịch tự nhiên:

✓ Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn tác dụng giải trí

✓ Việc tìm hiểu các đối tượng nhân văn diễn ra trong thời gian ngắn, nó có thể kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong một chuyến du lịch người ta có thể hiểu từ nhiều giá trị nhân văn.

✓ Số người quan tâm đến tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

✓ Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở những điểm quần cư và những thành phố lớn.

✓ Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và điều kiện tự nhiên khác.

✓ Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Điều này sẽ gây khó khăn cho việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Cơ sở để đánh giá nguồn tài nguyên này chủ yếu dựa vào cơ sở định tính, xúc cảm và trực cảm. Đồng thời nó cũng chịu ảnh hưởng mạnh của các nhân tố như: Độ tuổi, trình độ văn hoá,, hứng thú, trình độ nghề nghiệp, thành phần dân tộc,...

1.4.1 Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

1.4.1.1. Di sản văn hoá thế giới

Theo UNESCO, Di sản Văn hoá là:

– “ *Các di tích:* Các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội hoạ; các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khoa cổ học, ký tự, nhà ở, hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

– *Các quần thể các công trình xây dựng:* Các quần thể, các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

– *Các di chỉ:* Các tác phẩm do con người tạo nên, hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên - nhân tạo và các khu vực, trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học”.

❖ *Tiêu chuẩn xếp hạng là DSVH thế giới:*

Các Di sản Văn hoá ở mỗi nước muốn được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới ít nhất phải đáp ứng các điều kiện và một trong 6 tiêu chuẩn so WHC đưa ra như sau:

– *Các điều kiện công nhận là Di sản Văn hoá thế giới:* Một di tích lịch sử văn hoá phải xác thực, có ảnh hưởng sâu rộng hoặc có bằng chứng độc đáo đối với sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, hoặc di tích đó phải gắn liền với tư tưởng hay tín ngưỡng, có ý nghĩa phổ biến hoặc là điển hình nổi bật của một lối sống truyền thống đại diện cho một nền văn hoá nào đó.

– *Các tiêu chuẩn để công nhận là Di sản Văn hoá thế giới:*

- Là các tác phẩm nghệ thuật độc nhất – vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.

- Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, trong một khung cảnh văn hoá nhất định.

- Chúng có xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.

- Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho một thể loại xây dựng, hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử nhất định.

- Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống, nói lên được một nền văn hoá đang có nguy cơ bị huỷ hoại trước những biến động không cưỡng lại được.

- Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng, đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu và cách tạo lập cũng như về vị trí.

1.4.1.2. Các Di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đẹp cấp quốc gia và địa phương

Di tích lịch sử - văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Chính vì vậy nhiều Di tích Lịch sử Văn hoá đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Theo luật Di sản Văn hoá của Việt Nam năm 2003: “ *Di tích Lịch sử Văn hoá là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử - văn hoá và khoa học*”.

Di tích lịch sử văn hoá chứa đựng những nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích chứa đựng những nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt khác nhau, bởi thế mỗi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân chia thành những loại hình sau:

▪ *Loại hình di tích văn hoá khảo cổ:*

Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Các di tích khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ. Các di tích khảo cổ thường bao gồm các loại: di chỉ cư trú, di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền đắm.

▪ *Loại hình di tích lịch sử:*

Mỗi địa phương, mỗi quốc gia dân tộc đều có quá trình lịch sử, xây dựng, bảo vệ địa phương và đất nước riêng và được ghi dấu bằng những di tích lịch sử.

Những di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỷ niệm, những vật kỷ niệm, những cổ vật ghi dấu bằng những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, anh hùng dân tộc của một thời kỳ nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương, mỗi quốc gia.

▪ *Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật:*

Là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

Sự phân biệt các dạng tài nguyên du lịch nói chung chỉ mang tính tương đối. Vì trong tài nguyên du lịch nhân văn vật thể lại chứa đựng cả tài nguyên nhân văn phi vật thể và ngược lại. Trong các di tích kiến trúc nghệ thuật lại thường mang trong mình cả những giá trị lịch sử, vì vậy nhiều nhà nghiên cứu thường gọi chung là Di tích Lịch sử Văn hoá nghệ thuật.

▪ *Các danh lam thắng cảnh:*

Theo Luật Di sản Văn hoá của Việt Nam năm 2003: “ Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học”.

Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc của con người tạo dựng nên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử - văn hoá. Bởi thế nên nó có giá trị đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển du lịch ngày nay.

▪ *Các công trình đương đại:*

Là các công trình kiến trúc được xây dựng trong thời kỳ hiện đại, có giá trị kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, kỹ thuật xây dựng, kinh tế, văn hoá thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng thăm quan nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỷ niệm,... đối với khách du lịch.

❖ *Vai trò của các di tích lịch sử văn hoá trong hoạt động du lịch*

Di tích lịch sử văn hoá là chiếc cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, là di sản văn hoá quý giá, là động lực tinh thần của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Trong kho tàng di sản văn hoá di tích được xem là mảng tiêu biểu của giá trị văn hoá vật thể truyền thống, là bằng chứng sống về sự hy sinh, công hiến và sáng tạo ở nhiều lĩnh vực của nhiều thế hệ tiền thân để lại cho hậu thế. Bên cạnh các giá trị về mặt tâm linh đối với đời sống cộng đồng, các di tích lịch sử, văn hoá còn có vai trò rất to lớn đối với sự phát triển hoạt động du lịch của một địa phương, một đất nước.

Các di tích lịch sử, văn hoá đã trở thành không gian thiêng liêng cho nhân dân trong các dịp sinh hoạt lễ hội truyền thống, lễ hội tôn giáo, nơi họ được quyền thể hiện các lễ thức, bày tỏ tâm linh, ý nguyện của mình. Du khách đến tìm hiểu, nghiên cứu khoa học, thoả mãn nhu cầu hiểu biết của mình. Chính vì vậy, các di tích lịch sử, văn hoá đã và đang góp phần cho ngành du lịch của đất nước ngày càng phát triển bền vững.

Di tích lịch sử văn hoá là những di sản văn hoá vật thể, tiềm ẩn trong đó là các hình thức sinh hoạt mang bản sắc tôn giáo, tín ngưỡng riêng của từng vùng miền, là chốn linh thiêng của các vị Thành hoàng, những người có công với đất nước nói chung và địa phương nói riêng.

1.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.

- Di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại

Năm 1989 tại phiên họp Đại hội đồng UNESCO đã đưa ra hai chính sách:

1) Công nhận một danh hiệu cho một sản phẩm văn hoá phi vật thể, danh hiệu đó gọi là “kiệt tác Di sản Văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại”.

2) Di sản Văn hoá phi vật thể và truyền miệng luôn luôn được giữ gìn trình diễn, bổ sung truyền lại cho lớp trẻ thông qua trí nhớ và tài năng của nghệ nhân.

- Lễ hội

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, bất cứ mùa nào cũng đều có lễ hội, bởi lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc đây là dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Có thể nói lễ hội là một sinh hoạt văn hoá mang tính cộng đồng diễn ra trên địa bàn dân cư trong thời gian, không gian xác định. Nhằm nhắc lại một sự kiện, một nhân vật lịch sử hay một huyền thoại. Đồng thời lễ hội còn biểu hiện sự ứng xử văn hoá của con người với thiên nhiên, con người và thần thánh trong xã hội.

Như nhà nghiên cứu M.Bachiz của Nga cho rằng: “Thực chất, lễ hội là cuộc sống lao động và chiến đấu của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu chính nó không thăng hoa, liên kết và quy tụ thành thế giới của tâm linh, tư tưởng, của các biểu tượng, vượt lên trên thế giới của những phương tiện thiết yếu. Đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm

thời thực tại hiện hữu, đạt tới hiện thực lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở lên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả.”

Còn đối với GS.Kurayashi của Nhật Bản thì ông cho rằng: “Xét trên tính chất xã hội, lễ hội là quảng trường của tâm hồn, lễ hội là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật như mỹ thuật, giải trí, kịch văn hoá và với ý nghĩa đó lễ hội tồn tại và có liên quan mật thiết đến sự phát triển văn hoá.”

Đó là những nhận định của một số nhà nghiên cứu trên thế giới, còn ở Việt Nam trong cuốn Lễ Hội Cổ Truyền – PGS – TS Phan Đăng Nhật cho rằng “lễ hội là nơi tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng, văn hoá nghệ thuật, và sự kiện xã hội - Lịch sử quan trọng của dân tộc.”

Với rất nhiều định nghĩa, xét trên nhiều quan điểm khác nhau, nhưng nhìn chung lễ hội có thể được hiểu theo nghĩa thống nhất như sau: Lễ hội là một quãng thời gian mà trong đó một số người tập trung lại với nhau, tiến hành những nghi lễ thờ cúng một vị thần, hay một vật thiêng nào đó của cộng đồng, tại một thời điểm nào đó, có ăn uống vui chơi gọi là lễ hội.

Cấu trúc lễ hội thường bao gồm 2 phần:

+ *Phần lễ*:

Các lễ hội dù lớn hay nhỏ cũng đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể để mở đầu ngày hội theo không gian và thời gian.

Tùy vào tính chất của lễ hội mà phần lễ có ý nghĩa riêng. Thông thường phần lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng dân tộc lỗi lạc có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó cũng có những lễ hội mà phần lễ thực hiện những nghi lễ tôn kính, dâng hiến lễ vật cho các vị thiên thần, thánh nhân, cầu mong những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Nghi lễ trong lễ hội mang ý nghĩa đặc biệt thiêng liêng, nó chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống, giá trị thẩm mỹ và tư duy triết học của cộng đồng.

+ *Phần hội:*

Trong phần hội thường diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên.

Trong hội thường tổ chức những trò vui chơi giải trí, biểu diễn văn hoá nghệ thuật. Yếu tố cấu thành và nuôi dưỡng lễ hội là kinh tế - xã hội và tự nhiên nên nội dung của phần hội không chỉ giữ nguyên những giá trị văn hoá truyền thống mà nó luôn có xu hướng bổ sung thêm những thành tố văn hoá mới. Chính đặc điểm này đã tạo cho lễ hội thêm sống động, vui nhộn và phong phú. Tuy nhiên nếu yếu tố này không được chọn lọc và giám sát chặt chẽ cũng như tuyên truyền, giáo dục, đầu tư bảo vệ và phát triển những giá trị văn hoá truyền thống thì sẽ làm cho những giá trị đó bị lai tạp, mai một và suy thoái.

Tuỳ vào quy mô và giá trị văn hoá truyền thống còn được bảo tồn, ý nghĩa của lễ hội đối với quốc gia hay địa phương mà các lễ hội được xếp hạng làm lễ hội quốc tế hay lễ hội địa phương. Các lễ hội có sức hấp dẫn cao đối với du khách là đối tượng để triển khai nhiều loại hình du lịch văn hoá, đặc biệt là loại hình du lịch lễ hội.

+ *Thời gian tổ chức lễ hội:*

Các lễ hội thường được tổ chức nhiều vào sau mùa vụ sản xuất, mùa mà thời tiết, phong cảnh đẹp là mùa xuân và mùa thu. Các giá trị văn hoá lịch sử của lễ hội là nguồn tài nguyên du lịch quý giá để tổ chức triển khai các loại hình tham quan, nghiên cứu chuyên đề lễ hội hoặc kết hợp với các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu và mua sắm.

Lễ hội của người Việt là một dịp tưởng nhớ, tạ ơn các bậc thần linh và sự cầu xin của quần chúng đối với các bậc thần linh. Đây là một đặc trưng cơ bản của lễ hội mang tính nông nghiệp. Con người Việt vốn dĩ rất thủy chung, có sự ứng xử trước sau cho nên các lễ hội thường được tổ chức nhiều vào sau mùa vụ sản xuất,

mùa mà thời tiết, phong cảnh đẹp là mùa xuân và mùa thu và để bộc lộ tình cảm của mình đối với các bậc thần linh. Lễ hội hướng con người trở về với cội nguồn đồng thời cũng đánh thức nguồn cội. Bởi vì lễ hội là tái hiện lại những sự kiện, những hiện tượng đã trải qua trong quá khứ. Người đương thời sẽ không hiểu nguồn gốc nếu như không có những lễ hội tái hiện nguồn gốc.

Lễ hội là dịp để cố kết cộng đồng và nâng cao các mối quan hệ xã hội. Bởi vì người ta đến lễ hội không phân biệt đẳng cấp, không phân biệt tầng lớp. Người ta đến lễ hội là một sự cởi mở, tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau qua việc giao lưu trong mọi hoạt động lễ hội.

- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

- *Nghề thủ công truyền thống*: là những nghề có những bí quyết về công nghệ sản xuất ra các sản phẩm mang những giá trị thẩm mỹ, tư tưởng triết học, tâm tư tình cảm và những ước vọng của con người.

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất ra nghệ thuật do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ và phát triển từ đời này qua đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc cùng làng bản. Các sản phẩm thủ công cổ truyền này không chỉ mang những giá trị sử dụng trong cuộc sống hàng ngày mà nó còn chứa đựng bên trong những giá trị về mỹ thuật, giá trị triết học, tâm linh thể hiện tài nghệ, tâm tư, ước vọng của người làm ra chúng. Chính những tính hữu ích và giá trị văn hoá của chúng mà theo dòng chảy của lịch sử, đến nay nhiều nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã hình thành và bảo tồn được những giá trị tốt đẹp của tài nguyên này.

- *Làng nghề*: “ Là những làng có các nghề sản xuất hàng hoá bằng các công cụ thô sơ và sức lao động của con người đã được hình thành một thời gian dài trong lịch sử, nghệ thuật sản xuất hàng hoá được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở trong làng. Sản phẩm hàng hoá được sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu ở trong làng mà còn bán ở thị trường trong nước và quốc tế”.

- Văn hoá nghệ thuật

Trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, các nghệ nhân dân gian cùng với nhân dân đã sáng tạo, nuôi dưỡng, bảo tồn những giá trị văn hoá nghệ thuật như những làn điệu dân ca, những điệu múa, bản nhạc,... đây là những giá trị văn hoá, là những món ăn tinh thần của nhân dân, thể hiện những giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hoá, tâm tư, tình cảm và những ước vọng của con người. Những giá trị văn hoá, đặc biệt là những kiệt tác Di sản Văn hoá phi vật thể và truyền miệng thế giới, không chỉ góp phần tạo ra sự đa dạng về sản phẩm du lịch mà nó còn có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách. Tài nguyên du lịch văn hoá nghệ thuật này vừa mang lại cho du khách sự thư giãn, vui vẻ, nâng cao đời sống tinh thần, làm lãng quên đi bao lo toan vất vả trong cuộc sống thường nhật, nó vừa mang lại sự nhận thức, cảm nhận về cái đẹp, giúp cho du khách có thể tận dụng thời gian rảnh rỗi để thưởng thức những giá trị nhân văn cao đẹp của loại hình nghệ thuật này.

- Văn hoá ẩm thực

Từ xa xưa, ăn uống đã trở thành nhu cầu thiết yếu không thể thiếu của mỗi con người. Ngày nay khi nói đến nghệ thuật ẩm thực, chúng ta không chỉ nghĩ đến nhu cầu ăn no, ăn đủ chất mà còn nói đến cái đẹp, nghệ thuật chế biến món ăn, không gian, thời gian và cách thức ăn uống của mỗi người, mỗi tầng lớp trong xã hội. Chính những quan niệm và những nhu cầu đó đã biến văn hoá ẩm thực thành một loại hình văn hoá nghệ thuật không thể thiếu đối với sự phát triển của xã hội ngày nay.

Mỗi một đất nước, một quốc gia, tùy vào điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử và sự phát triển kinh tế xã hội đã hình thành nên những món ăn, đồ uống mang tính đặc sản riêng. Nghệ thuật ẩm thực không chỉ là văn hoá mỗi quốc gia, mà nó còn là dấu ấn, sự nhận thức về giá trị nghệ thuật của du khách đối với quốc gia đó.

- Thơ ca và văn học

Thơ ca và văn học là loại hình nghệ thuật trong đó có sử dụng ngôn từ để phản ánh cái đẹp, tình yêu của con người với thiên nhiên, của con người với nhau, với quê hương, đất nước và đời sống xã hội - sản xuất của con người.

Lịch sử phát triển văn học của mỗi quốc gia gắn liền với lịch sử hình thành dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước của mỗi dân tộc. Tùy vào sự đa dạng, phong phú của điều kiện tự nhiên và sự phát triển lâu đời của dòng chảy lịch sử đã hình thành nên những nền văn minh, văn hoá lớn với những tác phẩm thơ ca, văn học nổi tiếng tồn tại và sống mãi với sự trường tồn của nhân loại.

- Văn hoá ứng xử và những phong tục, tập quán tốt đẹp

Văn hoá ứng xử và những phong tục, tập quán là những sản phẩm hàng hoá đặc biệt không thể đo lường bằng các thiết bị kỹ thuật một cách chính xác mà nó phải được đánh giá dựa trên tiêu chí xếp hạng và sự cảm nhận qua các giác quan, tình cảm và sở thích của du khách. Do vậy, văn hoá ứng xử, phong tục tập quán sinh sống của mỗi địa phương, quốc gia, dân tộc đã trở thành tài nguyên du lịch vô cùng quý giá, tạo nên môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tốt đẹp, đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch đặc biệt hấp dẫn du khách.

- Tài nguyên du lịch gắn với văn hoá các tộc người

Tài nguyên du lịch gắn với văn hoá các tộc người bao gồm điều kiện sinh sống, phương thức sản xuất, kiến trúc, trang trí nhà ở, nghề thủ công truyền thống, văn hoá nghệ thuật, văn hoá ẩm thực, lễ hội, phong tục, tập quán với những sắc thái riêng trên những địa bàn sinh sống của họ.

Việt nam là một quốc gia đa sắc tộc, có 54 dân tộc, trong đó có tới 53 tộc người thiểu số sống chủ yếu ở các vùng miền núi, cao nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. Chính yếu tố này đã tạo nên những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

- Các hoạt động mang tính sự kiện

Các hoạt động mang tính sự kiện như liên hoan phim, ảnh, ca nhạc quốc tế, các giải thể thao lớn,...do địa phương hoặc quốc gia tổ chức. Đây đều là những đối tượng có sức hấp dẫn lớn với du khách và là điều kiện, tài nguyên quan trọng để phát triển loại hình du lịch MICE.

1.4.3. Vai trò của tài nguyên nhân văn đối với phát triển du lịch

Trong ngành công nghiệp du lịch, tài nguyên du lịch chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, nó chính là nhân tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả của ngành kinh tế này.

Ngày nay, nhu cầu văn hoá của con người, của tập thể người chính là động lực thúc đẩy người ta đi du lịch, bởi lẽ người ta đi du lịch không chỉ đơn thuần để vui chơi, giải trí mà còn hướng đến mục đích cao hơn. Đó là sự hiểu biết, học hỏi, nghiên cứu. Theo cấp bậc nhu cầu của Maslow, nhu cầu hiểu biết chính là nhu cầu lớn nhất của con người, khi người ta đã thoả mãn những nhu cầu chủ yếu như: ăn, ở, nghỉ ngơi, vui chơi, nghỉ dưỡng,...thì họ còn hướng đến những giá trị tinh thần, giá trị nhân văn của nhân loại. Họ muốn hoàn thiện bản thân và cân bằng lại nhân cách của mình. Tài nguyên du lịch nhân văn đã đáp ứng được nhu cầu cao nhất của con người.

Sự khác biệt giữa các quốc gia, vùng, miền, chính là nguyên nhân làm xuất hiện những dòng khách du lịch từ nơi này đến nơi khác, từ nước này đến nước khác. Những thành quả văn hoá của nơi đến là nội dung hấp dẫn, quan trọng nhất của nơi đến du lịch, hay nói cách khác, các tài nguyên văn hoá là nội dung quan trọng nhất để xây dựng nên các chương trình du lịch.

Về mặt kinh tế, tài nguyên du lịch nhân văn có ưu thế là hầu như không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các yếu tố thời tiết, khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên nhân tạo ngoài giới hạn các mùa chính do các tài nguyên tự nhiên gây ra và giảm tính mùa nói chung của các tầng du lịch. Trong mùa hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ có

những ngày không thích hợp cho hoạt động giải trí ngoài trời. Những trường hợp như thế được đi tham quan, tìm hiểu các giá trị tài nguyên nhân văn sẽ là một giải pháp lí tưởng. Ở những điểm có tài nguyên du lịch nhân văn đẹp thì hoạt động du lịch thường diễn ra quanh năm, không bị gián đoạn, không bị ảnh hưởng nhiều đến doanh thu.

Như vậy, chính nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đã làm nền tảng vững chắc, lâu bền, làm nên lợi thế cạnh tranh hữu hiệu trong phát triển du lịch cũng như các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Trên thực tế, phát triển du lịch nhân văn là một trong những giải pháp kích cầu cơ bản để khai thác hợp lý các tiềm năng kinh tế và tiềm năng du lịch của địa phương.

1.5. Tiểu kết

Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn hiện nay đang là một hướng phát triển hiệu quả của ngành du lịch Việt Nam. Hệ thống quần thể các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, những phong tục tập quán,... đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Đồng thời đây cũng là nguồn tài nguyên quý giá cho phát triển du lịch hiện tại và mai sau.

Hoạt động khai thác tài nguyên du lịch nhân văn không chỉ khiến cho du khách hiểu được những nét văn hoá đặc trưng của từng vùng đất mà họ đã đi qua, mà quan trọng hơn nó là nhân tố góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục cho thế hệ trẻ những truyền thống của dân tộc, biết giữ gìn những nét văn hoá đặc thù, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì vậy hiện nay sự phát triển của du lịch nhân văn đang trở thành một hướng đi đúng đắn mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành du lịch Việt Nam.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG CÁC DI TÍCH THỜ NGUYỄN BÌNH KHIÊM Ở HUYỆN VĨNH BẢO HẢI PHÒNG

2.1. Những nét khái quát về quê hương danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

2.1.1. Khái quát chung về xã Lý Học - huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng

Xã Lý Học (huyện Vĩnh Lại trước) nằm cách trung tâm thị trấn Vĩnh Bảo 9 km về phía đông nam, cách trung tâm thành phố 30 km về phía nam. Xã Lý Học trước đây thuộc phủ Hạ Hồng, sông thượng Am, xã Hải Dương. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 thì đổi tên thành xã Lý Học.

Xã Lý Học có 3 con sông: Sông Luộc, sông Thái Bình, sông Hoá chảy qua, đổ ra biển. Ngoài ra, còn có con sông Hàn (sông Tuyết Giang) nối Vĩnh Bảo với Tiên Lãng, là một vùng quê, một tuyến đường giao thông luôn luôn nằm trong mối quan hệ về kinh tế chính trị với cả xã hội Việt Nam đương thời. Trong sách Lịch triều Hiến chương loại kí của Phan Huy Chú có ghi: "*Huyện Vĩnh Lại sông chảy chằng chịt, phía Nam đối ngạn với Quỳnh Côi chảy sang phía đông đổ ra biển Thái Bình. Còn Hồng Giang từ đầu dòng chảy qua cả 4 huyện, phía Nam chảy vào một cửa của huyện Vĩnh Lại rồi chảy ra biển.*" Là một xã thuần nông, nhân dân chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước, thuốc lá và hoa màu. Nhưng đặc điểm nổi bật có lẽ là hàng cau, dừa bát ngát. Dọc theo đường số 354 là Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Lại tỉnh Hải Dương xưa, theo các thần phả, thần tích và từ điển Bách khoa Địa danh Hải Phòng thì, cùng với những làng xã thuộc Vĩnh Bảo, Cổ Am thờ nhiều vị thần làm thành hoàng vì có công chống giặc ngoại xâm trong các cuộc bình Chiêm, chinh Man, cự Nam Hán, phá Tống, diệt Nguyên - Mông. Dân Cổ Am dù nghèo nhưng cũng lập đền miếu khang trang để tôn thờ những người bảo hộ dân, những vị quan thương dân như con. Đền, miếu Cổ Am thờ bốn vị thành hoàng trong đó có

Không Hoàng đại vương, một vị quan đời Lý, bỏ của riêng phát chẩn cho dân vào năm mất mùa. Nam Hải đại vương tức quan Thái úy Tô Hiến Thành đời Lý, đi tuần qua làng đã ban ơn cho dân chúng. Cổ Am có chùa Mết là công trình kiến trúc đẹp do Trần Khắc Trang chủ xưởng xây cất Hai nhà văn Trần Tiêu và Khái Hưng đều là di duệ của Trần Khắc Trang.

Cổ Am có những dòng họ nổi tiếng. Ngoài họ Nguyễn với Trạng Trình Lương Quốc anh hùng không đối thủ, như các môn đệ tôn vinh ông sau này; còn có họ Trần, một họ lớn vốn ở Tức Mạc (Nam Hà) di đến đây khai hoang lập ấp. Theo gia phả họ Trần ở Cổ Am, một vọng tộc có nhiều nhà khoa bảng, thì thủy tổ họ Trần là một vị tướng chỉ huy cánh quân phía Bắc trong trận Hàm Tử nổi tiếng năm 1407, bị trọng thương, được đưa về Cổ Am dưỡng thương rồi sinh cơ lập nghiệp ở đây.

Cổ Am vào thời nào cũng có hào kiệt. Vương Quốc Chính, đời nhà Nguyễn năm 1879 lập Tín nghĩa Hội, chủ trương bình Tây phục quốc, từng đem nghĩa quân đến tận thành Hà Nội tiến công tập kích quân Pháp. Đầu năm 1930, Trần Quang Diệu, Đào Văn Thê khởi nghĩa chống Pháp, giết tri phủ, đánh chiếm huyện lỵ, khí thế ngùn ngụt. Robin, thống sứ Bắc Kỳ đã cho máy bay ném xuống Cổ Am đến năm mươi bảy quả bom (một con số đáng kinh hoàng vào thời đó), rồi dàn quân càn quét, đốt phá nhưng đã không khuất phục được vùng đất phát tích những bậc kiệt hiệt song toàn văn võ.

Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nếu ở quê ngoại của Trạng Trình nổi danh "Tiên Lãng chống càn", thì Vĩnh Bảo - Cổ Am quê nội của Nguyễn Bình Khiêm cũng lừng lẫy với những chiến công diệt giặc trên đường số 10. Trong phạm vi bài viết này tôi không thể thống kê những chiến tích, những hy sinh của người Cổ Am trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc sau này bằng những con số đáng thán phục được viết bởi những bàn tay chuyên cửi canh dệt vải, dệt chiếu, trồng trọt và làm sơn mài...

Cổ Am bao gồm thập bát trang Am, có mười tám trang mang tên Am. Thượng Am, Hạ Am, Trung Am, Đông Am, Nam Am, Lạng Am, Tiền Am, Liên Am, Ngãi Am, Hội Am v.v... Trong đó Trung Am là nơi danh nhân Nguyễn Bình Khiêm sinh ra, nằm bên bờ sông Thái Bình, là mảnh đất đẹp có cuộc sống phồn thịnh, làng nổi làng, chợ nổi chợ, tiếp giáp nhau vào thế kỉ 16.

Trong bài kí Quán Trung Tân Nguyễn Bình Khiêm có viết: “Mùa thu năm Nhâm Dần tôi bỏ quan về nghỉ ở quê nhà, mời các cụ già dạo chơi ở bên Trung. Ngắm nhìn ra phía đông là biển, ngó về phía tây là kênh, phía Nam giáp ngòi Liêm Khê, thấy các làng Trung Am, Bích Động đây đó tiếp giáp nhau, phía Bắc cúi nhìn sông Tuyết, chợ Hàn, đò Nguyệt phải trái vây bọc, một con đường lớn chạy ngay ở giữa, dẫu chân ngựa, dẫu bánh xe không biết mấy ngàn dặm nữa”. Trong bài thơ “Tức sự” Nguyễn Bình Khiêm còn viết về làng Trung Am trong thanh bình và lãng mạn:

“Tả tiểu trì viên bạng Tuyết Khê

Xuân thâm cổ mộc tự thành Khê

Giang Thiên tình thái thiên hoa túy

Bích nhiều hàn Khê vạn trúc đề”

Nghĩa là

“Nhờ vào mảnh vườn, cái ao nhỏ bên khe sông tuyết

Xuân nhuộm hàng cây cổ thụ tự thành hàng lối

Vẻ quang tặng làm đẹp sông nước, ngàn đoá hoa say

Mây biếc bay quanh khe mãi, ngàn khóm trúc rủ”

Chính làng quê Trung Am thời ấy phần nào là nguồn cảm hứng vô tận tạo lên cốt cách thơ ông.

2.2. Thân thế của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm Tân Hợi đời vua Lê Thánh Tông, tức năm Hồng Đức thứ 22 (1491). Theo giáo sư Nguyễn Đình Cát viết trong tạp chí quân

đội số 540 - xuất bản 11/1996, thì ngày sinh chính xác của Nguyễn Bình Khiêm là 6-4-1491 và mất vào ngày 23 -12 – 1585. Ông sinh ở quê hương, trừ 8 năm làm quan sau khi đỗ trạng nguyên, còn lại cả cuộc đời ông đều gắn bó với quê hương, khi nằm xuống cũng trên mảnh đất ruột thịt ấy: làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương, nay là làng Trung Am xã Lý Học huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Cha ông là Nguyễn Văn Định hiệu là Địch Sơn tiên sinh, còn có hiệu khác là Cù Xuyên tiên sinh. Mẹ ông là Từ Thục phu nhân Nhữ Thị. Bà là con gái Thượng thư Như Văn Lan, người làng Yên Tử hạ, huyện Tiên Minh (nay thuộc Tiên Lãng). Bà tinh thông Hán học, lại giỏi thuật số.

Ông có ba người vợ: người vợ cả họ Dương, hiệu Từ Ý, là con gái quan Tả thị lang bộ Hình Dương Đức Nhan; thứ phu nhân họ Nguyễn, hiệu là Nhu Tĩnh, á phu nhân cũng là họ Nguyễn hiệu là Vi Tĩnh. Ông có tất cả 12 người con, 7 người con trai và 5 người con gái. Sáu trong bảy người con trai của Nguyễn Bình Khiêm đều làm quan cho nhà Mạc đến tước hầu. Khi nhà Lê - Trịnh giành lại được chính quyền, tất cả người con của Nguyễn Bình Khiêm đều di tản khắp nơi và đổi tên thành họ Giang để tránh sự trả thù khốc liệt.

Ông thọ 95 tuổi, được chứng kiến gần trọn thời kỳ hình thành phát triển và suy vong của vương triều Mạc. Nguyễn Bình Khiêm tuy chỉ làm quan chưa đầy 8 năm (7 năm 3 tháng), nhưng ông có nhiều điều kiện để am hiểu tình hình nước nhà lúc ấy. Vì ngoại tổ ông, bố vợ ông, nhiều bạn bè đều làm quan to tại triều, lúc ông chưa xuất chính. Khi ông đã về hưu, vua Mạc vẫn kính trọng, có việc gì quan trọng đều sai xứ về hỏi hoặc mời ông về kinh xin ông chỉ giáo. Thi xã Bạch Vân do ông đứng đầu là nơi lui tới thường xuyên của các thi sĩ đương thời khắp cả nước.

2.3. Sự nghiệp của danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

Là một người yêu nước thương dân, vì vậy cuộc đời của Nguyễn Bình Khiêm bị ảnh hưởng sâu sắc từ những biến cố của xã hội. Là người lo trước cái lo

của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ, muốn nhân dân hưởng cảnh thái bình. Bởi vậy để hiểu rõ được những gì Nguyễn Bình Khiêm đã đạt được thì phần này, tác giả chia các thời kì trong cuộc đời của ông kết hợp với các mốc quan trọng trong lịch sử. Từ đó sẽ làm sáng tỏ những công lao to lớn của ông.

2.3.1. Thời niên thiếu và đi học (1491 – 1509):

Tức là lúc còn nhỏ đến độ tuổi 20 (1491 - 1509). Tuổi niên thiếu của Nguyễn Bình Khiêm ứng với thời kỳ nhà Lê đã suy đồi. Sự nghiệp bình Ngô cũng như thời kỳ huy hoàng của các vua Thái Tổ, Thánh Tông chỉ còn là vang bóng của dĩ vãng qua văn thơ hay lời kể của ông ngoại, bố mẹ. Còn thực tế lúc ấy bọn vua quan đã hoàn toàn khác xa với những gì cậu bé Nguyễn Bình Khiêm được học trong kinh sách thánh hiền. Cuộc đấu tranh gay gắt giành quyền lợi địa vị giữa phe họ nội, họ ngoại của nhà vua. Cuối cùng phe họ ngoại với tài khéo léo của Kinh phi Nguyễn Thị đã đưa con nuôi bà lên ngôi báu.

Đến năm 1509 phe họ nội do hoàng thân Lê Oanh khởi xướng, được nhiều cựu thần ủng hộ, trong đó Bảng nhãn Thượng thư Lương Đắc Bằng, thầy dạy học của Nguyễn Bình Khiêm là một chủ chốt. Lúc này, Nguyễn Bình Khiêm đang ở độ tuổi thanh niên, giàu chí tiến thủ, cùng với ảnh hưởng uy tín của thầy học. Hơn nữa ông hoàng Lê Oanh cũng nổi tiếng tài hoa hay chữ và chưa lộ hình tích xấu. Sau khi Lê Oanh lên ngôi vua, chú ý ngay đến thi cử để lôi kéo sĩ phu – khoa thi đầu thời Hồng Thuận số cống sĩ lên đến 5700 người, đông hơn nhiều so với các khoa trước. Tuy nhiên Nguyễn Bình Khiêm bằng sự nhạy bén chính trị và cách suy nghĩ chín chắn, ông đã không ra thi. Trong khi đó một số sĩ phu tiếng tăm như Lương Đắc Bằng, nhà sử học Lê Tung... đã chọn làm chủ, tránh “vua quý” lại gặp “vua lợn”.

2.3.2. Thời kỳ ở ẩn dạy học và tiếp tục học thêm (1510 - 1533)

Từ năm 1510 đến 1520 xã hội nước ta có những biến động lớn, kinh tế đình đốn, loạn lạc liên miên, phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục và rộng khắp.

Ngoài xã hội thì loạn lạc thế, còn trong triều lại liên tiếp các cuộc chính biến giữa các tập đoàn phong kiến, các phe phái. Cuối cùng, quyền lực rơi vào tay Mạc Đăng Dung. Từ 1521, năm Mạc Đăng Dung được phong chức Quốc công thì ông ta và phe cánh đã thao túng cả triều đình, Lê Chiêu Tông chỉ là bù nhìn.

Năm 1527 thừa lúc Lê Chiêu Tông định ám hại mình, Mạc Đăng Dung đã giết ông ta và lập Lê Xuân lên làm vua, nhưng rồi cũng phế truất luôn để lên ngôi Hoàng đế, lập ra vương triều Mạc. Việc cướp ngôi của Mạc Đăng Dung là một biến cố chính trị lớn đối với xã hội phong kiến ngày ấy. Nó không khỏi làm một số thần tử trung thành với nhà Lê choáng váng. Đối với Nguyễn Bình Khiêm, ông vô cùng đau đớn trước cảnh núi xương, sông máu thảm đày nơi”. Ông mong chấm dứt loạn lạc, để không còn cảnh “nhà ở bể làm cui, trâu cày giết làm thịt”. So sánh các vua lúc ấy từ Uy Mục, Tương Dực, Chiêu Tông, Cung Hoàng và cả bọn Lê Do, Lê Ý, Lê Duy Linh mà các cựu thần nhà Lê lập lên, xét cả về tài năng cũng như nhân cách chưa ai hơn được Mạc Đăng Dung. Còn thủ lĩnh các cuộc nổi dậy lúc ấy, tuy đông đảo nhưng thực ra cũng chưa có người nào đủ đức đủ tài đem lại hạnh phúc cho dân. Nhưng câu hỏi đặt ra là: Tại sao ông không ra làm quan phục vụ dưới triều Mạc Đăng Dung cho dù thậm chí, theo gia phả mẹ Nguyễn Bình Khiêm rất khâm phục Mạc Đăng Dung. Điều ấy chỉ có thể giải thích bằng bài thơ nôm viết năm 1431, đã phản ánh rõ tâm trạng của Nguyễn Bình khiêm.

*Người bốn mươi tuổi khoẻ triều quan
Ta bốn mươi tuổi đã được nhàn
Miễn theo Phu tử phò thiên tử
Thìn lộn nhân gian ở thế gian*

(Thơ nôm, bài 135)

Theo Khổng Phu Tử, tác giả sử Xuân thu, thì đối với chư hầu hiệp vua, làm sao có thể ủng hộ được. Đó chính là lý do khiến ông không ra thi dưới triều Mạc Đăng Dung mặc dù ông có cảm tình với nhân vật này.

2.3.3. Thời kỳ ra thi và làm quan với nhà Mạc (1534 - 1542)

Lớn lên trong một giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, các phe phái trong triều đổ kỵ, chém giết lẫn nhau. Năm 1572, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra một triều đại mới. Thế là suốt cuộc đời thanh niên trai trẻ, Nguyễn Bình Khiêm phải sống trong ảm đạm, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535. Lúc này đã 45 tuổi, ông mới đi thi. Ba lần thi Hương, thi Hội, thi Đình ông đều đỗ đầu và đỗ Trạng nguyên.

Những năm này là lúc thịnh vượng nhất của triều Mạc dưới sự điều hành của hai ông vua giỏi nhất triều đại (Mạc Đăng Doanh và thái thượng hoàng Mạc Đăng Dung). Sau khi họ chết thì chúa nhỏ nối ngôi, triều đình phân hoá , quyền thần lũng đoạn. Các lực lượng chống đối như anh em Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật và nhóm Nguyễn Kim ở vùng biên giới Lào -Việt. Bất chấp những thất bại trước của anh em họ Vũ và bọn Trịnh Ngung. Trịnh Ngang, bọn Nguyễn Kim vẫn sai Trịnh Duy Liệu sang sứ Minh tiếp tục tố cáo nhà Mạc và xin viện binh. Hành động ngu xuẩn và cực kỳ nguy hiểm của bọn này đặt ra nguy cơ mất nước như thời nhà Hồ do bọn Trần Thiêm Bình, Bùi Bá Kỳ, Lương Nhữ Hốt gây ra. Tình hình sẽ diễn biến phức tạp, nếu cánh quân Minh do Cừ Loan và Mao Bá Ôn chỉ huy, có anh em họ Vũ dẫn đường vượt biên vào xâm chiếm nước ta dưới danh nghĩa phò Lê

diệt Mạc. Đồng thời phía Nam, bọn Nguyễn Kim, Lê Duy Ninh tấn công phối hợp. Trước sự lâm nguy của tổ quốc, đã buộc Nguyễn Bình Khiêm ra thi thố tài năng, cộng tác với triều đình. “Quốc gia Hung vong, thất phu hữu trách”, hướng chi là một kẻ sĩ như ông.

Theo Vũ Lâm Khâm, sau khi đỗ trạng Nguyên, Nguyễn Bình Khiêm được bổ chức Đông các hiệu thư, sau sung chức Tả thị lang Bộ hình, rồi thăng Tả thị lang Bộ lại kiêm Đông các đại học sĩ, ông giữ chức này đến khi về hưu. Điều này được nói rõ trong dòng lạc khoản Bia Ký quán Trung Tân.

Căn cứ vào các tư liệu tìm được, ta thấy con đường thăng quan tiến chức của danh nhân Nguyễn Bình Khiêm khá trôi chảy, thuận lợi. Ra thi đỗ đầu liên ba khoa, giành học vị cao nhất. Quá trình đề bạt và cất nhắc cũng khá nhanh. Tính chính xác thì Nguyễn Bình khiêm có 7 năm 3 tháng phục vụ nhà Mạc. Thế nhưng ông đã từ chức Đông các hiệu thư lên đến Lại bộ Tả thị lang, điều đó phản ánh được những cống hiến to lớn của ông cho triều nhà Mạc.

Trong suốt những năm tháng làm quan, những gì còn lại về Nguyễn Bình Khiêm, người ta tìm thấy rất nhiều tác phẩm của ông nói về giặc giã, chiến tranh. Ở những tác phẩm đó ông bộc lộ những phẩm chất yêu nước thương dân. Một lòng mong mỏi triều đình dẹp loạn, yên ổn xã tắc.

*“Thương dân ta bị hãm trong đất giặc chiếm đã lâu,
Ai có thể cứu vớt, để thể hiện tấm lòng chi nhân...”*

(Cảm hứng thi bài 7)

Tám năm sau khi ra làm quan, ông đã dâng sớ xin chém 18 tên quan lộng thân, nhưng không được triều đình chấp thuận. Hơn nữa, năm 1540 Mạc Đăng Doanh chết, Mạc Phúc Hải nối ngôi, và Mạc Đăng Dung thì lại làm thái thượng hoàng. Ngay cuối năm ấy, Mạc Đăng Dung đã ra cửa ải, tự trói mình, phục tội trước tướng nhà Minh, cắt đất dâng dâng cho giặc. Việc làm ấy không khỏi làm lòng người thiên hạ phẫn uất. Còn Mạc Phúc Hải thì ngày càng tỏ ra hèn kém truy

lạc. Bất lực trước thời thế, không thi thố được hoài bão “phò nghiêng, đỡ lệch”. Ông đã cáo bệnh xin về quê ở ẩn.

2.3.4. Thời kỳ nghỉ hưu tại quê nhà (1542 - 1585)

Lúc này ở nước ta đã hình thành hẳn 2 triều đại chống đối nhau kịch liệt. Ở Nam triều, tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh đã mạnh lên nhiều, quyền lực thực tế rơi vào tay họ Trịnh. Còn ở Bắc triều thì quần thần ngày càng làm loạn.

Thời gian này tuy ở nhà dạy học, “nhưng vua Mạc vẫn lấy sự lễ đãi ông. Nhưng khi nhà nước có việc gì quan trọng, triều đình đều sai sứ đến hỏi, có khi triệu ông về kinh, thung dung trù liệu kế hoạch, rồi lại trở về am, chứ không ở lại” – (theo Phả Ký).

Qua thơ văn, ta còn biết vào niên hiệu Quang Bảo (1554 - 1561) Nguyễn Bình Khiêm đã hai lần theo vua Mạc làm Tham tán quân cơ đi dẹp anh em Vũ Văn Mật ở Tuyên Quang. Điều đó được ghi lại trong đoạn thơ sau:

*Tuổi đã già cùng nhau cố gắng tòng quân,
Diệt giặc còn ôm lòng trung báo đền nước.
Xông pha tuyết giá; đâu nề hà nghìn dặm xa,
Lo lắng thời thế, nên ghi nhớ một đời.*

(Giản đồng sai Nghĩa trai ba, Hoàn trung hầu)

Trong suốt thời gian nghỉ hưu, không những ông tích cực ủng hộ nhà Mạc mà còn động viên Khuyên khích bạn bè hăng hái dâng kế hoạch, hoặc can gián nhà vua. Những bạn bè đó đều là những người làm quan to trong triều lúc đó như Qui lão kí Lại bộ Thương thư Kế khê bá, Tây hử thứ Nguyễn Cảo Xuyên, Thị thư công vận...

Bằng lòng yêu nước thương nòi, Nguyễn Bình Khiêm đã ra phục vụ nhà Mạc với tất cả lòng nhiệt tình của mình. Đó là lý do mà một bạn đồng liêu làm thơ tặng đã đánh giá ông là “cột chống trời”, là nhân vật khiết xuất, trong hàng ngũ công thần 4 triều vua Mạc:

...

“Lực phù nhật cốc trụ kinh thiên”

hay

“Tứ triều huân nghiệp nhân trung kiệt”

Đó cũng là lý do tại sao Mạc Mậu Hợp phong cho ông tước cực phẩm và tự tay viết biển ngạch treo trước đền thờ ông.

“Mạc triều Trạng Nguyên tế tướng từ”

Đi sâu vào lịch sử triều Mạc và tiểu sử Nguyễn Bình Khiêm cùng thơ văn của ông, chúng ta thấy có những chứng cứ về tài năng chính trị, ngoại giao. Dưới triều Mạc Đăng Doanh, ông đã vâng lệnh vua tiếp sứ thần nhà Minh (thể hiện trong bài thơ Phụng tiếp thiên triều lai sứ). Hai bài thơ Tiễn Tư Minh phủ công sai và bài Ký Tư Minh phi tri phủ cũng chứng tỏ ông đã được giao nhiệm vụ đối ngoại cùng việc giả quyết vấn đề biên giới nhiều lần. Có lẽ vì làm công tác ngoại giao trên mà ở quê hương Vĩnh Bảo lưu hành truyền thuyết Nguyễn Bình Khiêm đi sứ Trung Quốc. Sách “công dư tiếp ký” của Vũ Phượng Đề có mẩu chuyện “bài biểu lui vạn binh” do hai trạng nguyên Trần Tất Văn và Ngô Miễn Thiệu soạn. Lúc này Nguyễn Bình Khiêm đứng đầu toà đông các, cơ quan duyệt lại các văn bản quan trọng của Triều đình. Cho nên có thể nói ông có phần trách nhiệm đối với các văn thư ngoại giao triều Mạc Đăng Doanh. Dưới triều Mạc Phúc Hải, tuy Nguyễn Bình Khiêm đã xin về hưu từ mùa thu năm Nhâm Dần, Quảng Hoà thứ 2(1542) nhưng thơ văn của ông đều tham gia với cương vị tham tán việc quân cơ. Công việc nặng nhọc, nguy hiểm nhưng ông không từ nan:

Giúp vua phò nước dân gian nguy

Gắng gỏi xông pha há quản gì

(Cảm hứng – bài sáu)

Bài Qua sông Hữu – bài số một, nhắc đến Nguyễn Bình Khiêm như một người có công trạng lớn được nhà vua ban khen :

*Quân vua thoát đến thân kỳ
Thoắt nghe lũy giặc bốn bề sạch không.
Thư sinh chi dám cậy công
Sức do các tướng, kể trong miếu đường.*

Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ ông hay nhắc tới sự thăng trầm "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành nương dâu) của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như "phù vân". Ông thương xót cho "vận mệnh" quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của "dân đen", "con đỏ". Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, hình như để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, "vận mệnh" của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế "chân vạc". Năm 1568, Nguyễn Hoàng thấy anh là Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm sát hại, lo cho "số phận" nên đã ngầm cho người hỏi kế an thân, Nguyễn Bình Khiêm nói:

"Hoành sơn nhất đá, vạn đại dung thân"

(ngụ ý nói: Dựa vào một dải Hoành sơn có thể lập nghiệp được lâu dài).

Thế là Nguyễn Hoàng tức tốc xin anh rể là Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa (từ Đèo Ngang trở vào).

Tại Thăng Long, thời ấy chúa Trịnh cũng ra sức ức hiếp vua Lê và muốn phế bỏ, liền cho người hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm. Ông không trả lời và lảng lạng dẫn sứ giả ra thăm chùa và nói với nhà sư:

"Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản"

(ngụ ý muốn khuyên chúa Trịnh cứ tôn phò nhà Lê thì quyền hành tất giữ được. Nếu tự ý phế lập sẽ dẫn đến binh đao.)

Về với dân, sống với dân, ông dựng quán Trung Tân, dựng bia để truyền bá tư tưởng. Trạng biên soạn bài văn bia nói rõ ý nghĩa của việc dựng ngôi quán ấy. Để giải thích tên quán ông viết: “*có được cái toàn diện mới được cái trung. Biết chỗ nào yên nghỉ là yên tâm (bền tốt). Nếu không biết chỗ nào lên nghỉ là mê tâm (lạc tâm). Trung nghĩa là biết điều thiện. Tâm là chỗ để quy thiện. Biết chỗ nào lên nghỉ (tức là điều thiện) thì gặp khó mấy cũng không lìa bỏ*”. Học trò của ông có rất nhiều những người đã làm lên công trạng lớn sau này và lưu danh nổi tiếng trong lịch sử như: Nguyễn Dữ, Phùng Khắc Hoan, Giáp Hải, Nguyễn Quyện, Trương Thời Cử, Đinh Thời Trung, Lương Hữu Khánh . Trong đó có Giáp Hải(1506 - 1581) thi đỗ trạng nguyên, làm quan với nhà Mạc tới chức Thượng thư bộ Lại. Phùng Khắc Hoan(1528 - 1613) tục gọi là Trạng Bùng, làm quan với nhà Lê đến chức Thượng thư bộ Hộ, tước Mai quận công. Nguyễn Dữ đỗ hương tiến(cử nhân), là tác giả cuốn Truyền kỳ mạn lục, tập sách này được Nguyễn Bình Khiêm phủ chính và được Vũ Khâm Lân phê là “Thiên cổ kỳ bút”. Nguyễn Quyện thì làm tới chức Thừa tướng thượng tể, tước thường quốc công. Lương Hữu Khánh là con trai của Lương Đắc Bằng, lúc Đắc Bằng đau nặng đem phó thác cho Nguyễn Bình Khiêm, nhờ dạy bảo, sau trở thành một danh thần thời Lê trung hưng, làm đến thượng thư bộ Binh.

Ngoài việc dạy học, vịnh thơ... răn đời giữ đạo, Nguyễn Bình Khiêm còn hăng hái lao vào công cuộc tổ chức cải tạo quê hương... ông góp công, góp của cùng nhân dân xây quán xây cầu, trồng cây phúc đức. Ngày hội trồng đa (trên đoạn đê dài 3 km) của dân tổng Ngãi bên bờ Hàn Giang là một ngày đẹp mãi về ý nghĩa và cách thức tổ chức. Ông lo dạy cho người người tàn tật, một nghề kiếm sống; ông làm cả việc tưởng như nhỏ nhặt : cho câu đối, vẽ mẫu tam quan, bày kế chuyển bè gỗ đã bị phù sa phủ lấp quá hai năm mãi tận sông Hồng. Ông sáng tác thơ văn nói về mùa màng, và xúc động biết bao giữa đêm trăng thu vàng vạc tưởng như thấy ông già Nguyễn Bình Khiêm cầm tay lũ trẻ nhỏ - là con cháu nhà

vui hát bài đồng dao do ông ứng tác, diễn tả lại quang cảnh đắp đê chống lụt của nhân dân.

Đến năm Diên Thành thứ 8 (Ất Dậu, 1585) ông lâm bệnh nặng, vua Mạc cử sứ giả và quan ngự y đến thăm và hết mình chạy chữa. Biết mình tuổi cao sức yếu, khó lòng qua khỏi. Trước khi mất ông vẫn hiến kế sách giúp họ Mạc bảo toàn. Ông bảo: “Sau này quốc gia hữu sự thì đất Cao Bằng tuy nhỏ cũng có thể hưởng phúc được mấy đời”, vì thế mà trong nhân gian vẫn còn lưu truyền mấy câu:

“Cao Bằng tàng tại

Tam đại tồn cô”

Nghĩa là:

“Đất Cao Bằng ẩn mình

Tồn tại được ba đời”

Nhà Mạc nghe theo, tồn tại trong 70 năm sau mới suy vong.

Truyện thuyết trên đây muốn chứng tỏ rằng Nguyễn Bình Khiêm là người có tài tiên đoán, do nắm được bí truyền của sách Thái âm thần kinh. Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: Tập thơ Bạch Vân (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán còn lưu lại) và hai tập: Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm). Thơ Nguyễn Bình Khiêm giàu chất liệu hiện thực, mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Ông phê phán gay gắt bọn tham quan ô lại hút máu, hút mỡ của dân. Thơ ông còn truyền đạt cho đời một đạo lý đối nhân xử thế, đạo vua tôi, cha con và quan hệ bầu bạn, hàng xóm láng giềng. Đọc thơ ông là thấy cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Vì thế khi về ở ẩn, ông vẫn mở trường dạy học, mong đào tạo cho đời những tài năng "kinh bang tế thế". Học trò của ông cũng có người trở thành danh tướng, Trạng

nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyên...

Có thể nói ở thế kỷ 16, Nguyễn Bình Khiêm là nhà triết học lớn của Việt Nam. Tư tưởng triết học của ông "không bận tâm đi vào xu hướng duy lý... đi tìm khái niệm bản thể luận như Lão Tử, như triết học Phật giáo hay cái phóng nhiệm nhiều lúc đến nguy biệch của Trang Tử. Ông hiểu sâu sắc triết học Tống Nho nhưng không đi vào sự câu nệ vụn vặt, không lý giải quá sâu cái lý, có khi rắc rối, hoặc chẻ sợi tóc làm tư để tìm hiểu, biện giải nhiều thứ mơ hồ rối rắm trong những khái niệm hỗn tạp đó. Với sự uyên thâm vốn có, ông được triều đình nhà Mạc và sĩ phu đương thời phong là Trình tuyền hầu, tức là một vị Hầu tước khởi nguồn dòng suối triết học của họ Trình (tức Trình Di, Trình Hiệch - hai nhà triết học khai phá ra phái Lạc Dương của Tống Nho), hoặc đời còn gọi ông là cụ Trạng Trình.

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như tập thơ Bạch Vân, gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán (còn lưu lại) và hai tập Trình Quốc công Bạch vân thi tập và Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập, hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi, (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm) hiện còn lưu lại được một quyển của Bạch Vân thi tập gồm 100 bài và 23 bài thơ trong tập Bạch Vân Gia Huấn mang nhiều chất hiện thực và triết lý sâu xa, thể hiện đạo lý đối nhân xử thế lấy đức bao trùm lên tất cả, mục đích để răn dạy đời.

2.4. Các di tích thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

2.4.1. Cụm di tích trong đền thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

2.4.1.1. Đền thờ chính

Những hiện vật, địa danh liên quan đến thời đại, con người Nguyễn Bình Khiêm còn lại không nhiều bởi thiên tai lũ lụt và chiến tranh tàn phá. Đáng kể có ngôi đền thờ Trạng Trình tại xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Di tích này có từ rất lâu đời, sau khi được tin Nguyễn Bình Khiêm mất, vua Mạc cho Mạc Kinh Diễch (là ông chú vua) làm khâm sai, cùng với các quan ở triều về dự tế truy phong Nguyễn Bình Khiêm làm Lại bộ thượng thư, Thái phó Trình quốc công. Vua Mạc

ban cho số tại 3.000 quan tiền để lập đền thờ và cấp cho 100 mẫu ruộng tự điền. Đền dựng trước dinh Ông, vua Mạc thân đề biển ngạch: “Mạc triều Trạng nguyên Tể tướng từ” (nghĩa là đền thờ: quan trạng nguyên Tể tướng triều Mạc). Ngôi đền thờ làm đời Mạc bị tàn tạ từ lâu. Theo Phả ký do tiến sĩ Vũ Khâm Lân soạn thì đến năm đầu niên hiệu Vĩnh Hựu, dân hàng tướng nhớ ân đức của Trạng dựng đền thờ ở trên nền nhà cũ để thờ phụng. Đền dựng năm Vĩnh Hựu không rõ đổ nát từ bao giờ, chỉ còn mỗi bia mà thôi, bia đá ghi việc làm đền năm Bính Thìn(1736), bia đá đã bị mờ, chỉ còn được mấy chữ: Từ vũ bi ký Vĩnh Hựu - Bính Thìn... và tên của một vài người xây đền. Đền hiện nay kiến trúc chữ Đinh (J) có năm gian tiền đường và hai gian hậu cung, với những nét chạm, khắc hoa văn trang trí đặc trưng như hoa chanh, trám rỗng, công trình kiến trúc mang nét nghệ thuật thời Nguyễn. Ngôi đền đã được trùng tu vào năm Mậu thìn (1927).

Theo nhận định của nhiều người đền được dựng trong khu vực am Bạch Vân xưa Trạng ngồi dạy học. Mà am Bạch Vân ngày ấy như chính Nguyễn Bình Khiêm miêu tả thì am Bạch Vân vào cái thế:

“ Bạch Vân am bạng Bạch Vân hương

Cận tiếp giang lâu đối tịch dương ”

dịch

“ Am Bạch Vân giáp làng Bạch Vân,

Liên với lâu sông, ngược bóng chiều ”

Lâu sông ở đây chính là quán Trung Tân.

Trải qua những năm tháng chiến tranh, các đồ thờ, câu đối, hoành phi, sắc phong phần lớn bị thất tán, hư hỏng. Chỉ từ năm 1985, nhân kỷ niệm ngày mất của Danh nhân Trạng Trình, Thành uỷ, UBND thành phố Hải Phòng tổ chức lễ kỷ niệm và cùng Uỷ ban Khoa học xã hội Nhà nước hội thảo Khoa học danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm, di tích đền thờ được thành phố tôn tạo, sửa sang cầu, đường vào di tích. Năm 1991, nhân kỷ niệm 500 năm ngày sinh danh nhân tổ

chức ở Vĩnh Bảo và Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, khu di tích lại được sửa chữa bổ sung.

Đền thờ hiện nay được Bộ văn hoá Thông tin đã công nhận đền thờ Trình Quốc Công là Di tích lịch sử - Văn hoá quốc gia. Liên tiếp từ đó đến nay, thành phố tiếp tục đầu tư hàng chục tỷ đồng để mở rộng khu di tích, dựng tượng đá, lập quảng trường, xây hồ bán nguyệt, làm đường nhựa... quy mô to lớn từ xưa đến nay mới có, tương xứng với một danh nhân văn hoá - một cây đại thụ - một vì sao Khuê thế kỷ XVI.

Có rất nhiều chi tiết đáng chú ý với đền Nguyễn Bình Khiêm hiện nay được dựng trên những gì còn lại của lịch sử.

Dưới mái đền có khắc 4 chữ lớn: Như nhật trung thiên – như mặt trời ở giữa bầu trời. Đó là sự đánh giá của người sau đối với tài năng xuất chúng và tư cách đạo đức khiêm nhường của ông.

Đi vào trong đền, ở hậu cung là tượng danh nhân Nguyễn Bình Khiêm với phẩm phục triều đình với thế ngồi trên ngai, mình mặc áo rồng vua ban, đầu đội mũ cánh chuồn, tay phải cầm cuốn tập giờ lên như đang giảng đạo thơ cho các học trò. Người tạc tượng danh nhân là nghệ nhân Hoàng Sâm (Bảo Hà - Đồng Minh), tượng được tạc vào năm 1991. Trước đó trong đền chỉ có bài vị và bức tranh dân gian “An Nam Lý Học” vẽ Nguyễn Bình Khiêm ngồi viết. Phía trước đền là hồ Thái Nhâm, trên khoảng đất giữa hồ (có cầu bắc qua) còn tấm bia đá làm năm Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) ghi lại việc làm đền thờ Trạng và tên những người đã đóng góp xây dựng đền. Trải qua mưa nắng và thời gian, nhiều chữ trên bia đã mờ, khó đọc.

Chính giữa đền là bức hoành phi đại tự: An Nam Lý Học, đó là những chữ mà sứ nhà Thanh tên là Chu Xán sang nước ta, khi về đã viết: An nam lý học Trình Tuyền tức là *“Nước An Nam về mặt lý học có Trình tuyền hầu Nguyễn Bình*

Khiêm”. Câu ấy đã được chép trong tập Sứ giao ngâm in ở Trung Quốc mà sau này bác học Lê Quý Đôn sang sứ ở Bắc Kinh đã đọc được và ghi lại.

Ngoài ra còn có một số câu đối khác như:

“ *Cổ kim quốc dĩ dân vi bản
Tiền hậu dân thủ quốc vi tiên* ”

Tạm dịch:

*Từ xưa đến nay nước lấy dân làm gốc
Trước sau dân giữ nước là việc đầu tiên*”

Ngôi đền còn gắn với nhiều lời sấm mà sự linh ứng của nó còn truyền tụng trong dân gian. Có một huyền thoại được kể lại rằng:

Năm Minh Mạng thứ 14, vua Minh Mạng bắt khai con sông Hải Dương. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Trứ đang làm Tri Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành việc khai con sông đó, địa chính theo lệnh của vua phải cắm cho thẳng, nhưng khổ thay lại trúng thẳng vào Đền thờ của Cụ Trạng Trình, mà ngôi Đền này nổi tiếng linh thiêng.

Ông Trứ truyền lệnh cho dân phải phá Đền khai sông. Dân chúng không ai dám phá. Ông Trứ cũng phân vân, vì trên là lệnh của vua, dưới là ý của dân, nếu không tuân lệnh vua thì sợ vua bắt tội, mà tuân lệnh vua thì trái lòng dân. Ông Trứ sấm nhang đền vào Đền vái Cụ Trạng Trình xin Cụ cho phép phá Đền, vì lệnh vua, ông phải thi hành, xin Cụ hiểu lòng của ông.

Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công việc phá Đền, lúc đó dân quân mới dám phá.

Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ, có chạm khắc bốn câu sau đây:

*"Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá Đền.
Phá Đền thì phải làm đền,*

Nào ai lán đất tranh quyền của ai."

Ông Nguyễn Công Trứ thấy Cụ Trạng Trình nói đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân chúng ngưng việc phá Đền, và lo việc cất Đền trở lại như trước.

Khi đó, lại tìm thấy trên đầu cột cái có đề 4 hàng chữ:

"Hồng Đền thì lại làm đền,

Rồi sau tìm thấy bạc tiền của ta.

Của ông, ông để còn xa,

Ai mà tìm được ắt là thưởng công."

Ông Tri Huyện Nguyễn Công Trứ đọc 4 câu thơ này xong thì suy nghĩ mãi, chợt nảy ra ý nói lái: CÒN XA nói lái lại là XÀ CON. Ông Trứ liền quan sát các cây xà con đã tháo xuống, thấy có một cây khá nặng, nặng hơn các cây khác. Ông Trứ mừng rỡ, cho bửa cây này ra thì có bạc nén văng ra. Ông Trứ liền dùng số bạc này đi mua các thứ vật liệu, cất Đền trở lại cho Cụ Trạng, với tấm lòng vô cùng kính phục Cụ Trạng. Số bạc còn dư, ông Trứ giao cho dân làng Vĩnh Lại để dành tu bổ các đền chùa đình miếu trong làng.

Đền hiện nay, có một tấm bia lớn trước đền và một hồ nước có tên Thái Nhâm. Tấm bia có ghi 3 chữ “Quốc Công Từ”. Theo thuật phong thủy, tấm bia đó là để chắn bụi trần, chắn trần tục, giữ cho luồng khí đi vào đền luôn trong sạch đúng với tâm hồn của danh nhân văn hoá Nguyễn Bỉnh Khiêm. Còn hồ nước là nơi tụ khí của trời và đất.

2.4.1.2. Am Bạch Vân

Am Bạch Vân được dựng lại, do bị đổ nát hoàn toàn. Phác lại đôi nét cảnh quan vùng Vĩnh Lại thuộc phủ Hạ Hồng xứ Hải Dương hơn 4 thế kỉ trước. Một vùng thắng địa đã khơi nguồn cảm hứng cho nhà thơ chỉ còn lại đôi ba dòng trong cuốn Du địa chí: “*Huyện Vĩnh Lại sông chảy chẳng chịt, phía Nam đối ngạn với Quỳnh Côi chảy sang phía đông đổ ra biển Thái Bình. Còn Hồng Giang từ đầu dòng chảy qua cả 4 huyện, phía Nam chảy vào một cửa của huyện Vĩnh Lại rồi*

chảy ra biển...” Đồi bên dòng sông ấy là những di tích liên quan đến cuộc đời Nguyễn Bình Khiêm còn sót lại đến ngày nay.

Am Bạch Vân hơn 400 năm đã qua đi, thiên nhiên cùng những biến cố xã hội đã khoả lấp mất nhiều di vật có liên quan đến đời sống và hành trạng Nguyễn Bình Khiêm.

Am Bạch Vân xưa giờ lùi sau khu đền trạng. là mái trường mà Trạng Trình dạy dỗ học trò. Theo lời kể của dân làng, ngôi đền ngày nay được dựng ngay trên Nền Am Bạch Vân. Qua các tài liệu ta cũng được hay: Khi từ quay trở lại quê hương, Nguyễn Bình Khiêm dựng Am Bạch Vân, do đó lấy hiệu Bạch Vân Cư Sĩ, mở trường dạy học bên bờ Tuyết giang, được học trò và sĩ phu tôn là Tuyết Giang Phu Tử.

Về quy mô của Am Bạch Vân, ta có thể căn cứ vào mấy câu trong bài Ngụ Húng(bài 1): “ *Một nửa dựa vào chợ quê, nửa dựa vào xóm làng. Trong có vườn, có ao khoảng hơn một mẫu*”. Chợ được nhắc trong bài thơ là ở bến Tang Thịnh trên sông Tuyết, cách đền thờ chừng 1000 mét về phía tây bắc. Còn xóm làng có am Bạch Vân và Trung Am, bao bọc phía Nam đền. Trong một bài thơ khác Nguyễn Bình Khiêm lại viết: “ *Vân Am cận tiểu Khê tuyên – Mãi đoạn đờ vô phí nhất tiền* ” - “ *Am Bạch Vân kề liền khe nhỏ, mua hẳn cả khu vực ấy chẳng mất đồng tiền nào*”. Khe này trước đây vẫn chảy ở phía bắc và tây nam đền. Nhưng nhìn chung Am Bạch Vân là nơi có vị trí và địa thế đẹp. Chẳng thế mà Nguyễn Bình Khiêm viết:

*Bạch Vân am bạng Bạch Vân hương
Cận tiếp giang lâu đối tịch dương
Toạ thượng tiểu đàm xuân cảnh hảo
Ngôn trung ngân vịnh bút sinh hương
Số bôi minh nguyệt lưu hoa ảnh
Bán châm thanh phong trúc nha lương*

Giá bán ý vi thực nhân tường

Tạm dịch

“Am Bạch Vân giáp làng Bạch Vân,

Liên với lâu sông, ngược bóng chiều

Nói cười xuân hứng thêm cao

Câu thơ ngọn bút ngạt ngào hương bay

Trăng lông hoa, rọi chén vàng

Hây hây gió trúc bên giường thẳng quan

Tri nhân non nước mặn mà

Trong vui nhường lấy lòng ta ai tường”

Cái tên Am Bạch Vân thì theo thuyết ngũ hành thì màu trắng “bạch” thuộc quẻ tốn, quẻ của gió, nhờ có gió thổi thì sạch bụi mới trắng trong, mới sáng. Ngụ ý tâm hồn ông trong sạch, không vết nhơ bẩn, không làm gì sai trái.

Am Bạch Vân là Trung tâm đào tạo nhân tài của đất nước lúc đó. Có thể coi Am Bạch Vân là trường đại học tư thục lớn nhất và tiên tiến của đất nước đương thời.

Chinh từ đây, ông đã đào tạo hàng loạt nhân tài như Phùng Khắc Hoan, Nguyễn Quyện, Đinh Thời Trung, Lương Hữu Khánh... Cũng từ nơi đây mà ông cho ra đời hàng loạt các tác phẩm nổi tiếng như: Bạch Vân Am thi tập, Bạch Vân quốc ngữ thi tập. Ngoài ra, theo sử sách để lại, Bạch Vân Am còn là nơi tiếp kiến các sứ giả của các thế lực phong kiến bấy giờ như Mạc, Trịnh, Nguyễn. Với tư tưởng nhân văn cao cả, tầm nhìn chiến lược, mong muốn hoà bình, ông đã đưa ra dự báo chính xác cho các thế lực chính trị lợi hại nhất lúc bấy giờ.

Bạch Vân Am được làm theo kiểu tứ trụ, trôn cột cái, thượng đầu hạ oai theo dạng bái đường Văn Miếu. Nguyên liệu bằng gỗ xoan, gỗ mít. Mái lợp tranh lá dừa, phủ liếp nửa chống gió lốc. Ngoài hai chái đông tây, am có 3 gian giữa khá

rộng dùng làm phòng dạy học. Phía trong gian giữa, kê một sập gụ chân quỳ, mùa hè để trần, mùa đông trải chiếu cạp điều, cái chữ “thọ”.

2.4.1.3. Chùa Song mai

Cách Bạch Vân Am khoảng hơn trăm bước chân, Trạng Trình dựng cho bà vợ thứ Nguyễn Thị Minh Nguyệt ngôi nhà để bà tu tại gia. Bà không con, hướng về cõi Phật lúc tuổi già. Trạng trồng cho bà cây hoa mai lên gọi là chùa Song Mai. Sau nhiều lần trùng tu, gần đây lại được Việt kiều công đức nên đã trở lên khang trang.

Truyện xưa kể lại, thưở còn trẻ Nguyễn Văn Đạt (Nguyễn Bình Khiêm) thường cùng bạn bè dạo chơi những nơi danh lam thắng cảnh. Một lần đến Đò Sơn. Ngắm cảnh trời đất núi non lồng lộng, Văn Đạt liền cao hứng đọc:

*“Trai Đò Sơn đứng núi Đò Sơn
Sơn sơn xuất anh hùng hào kiệt”
câu này có nghĩa
“Núi sinh ra anh hùng hào kiệt”.*

Các bạn cùng đi không ai đối được vế ra đối nửa chữ nôm, nửa chữ Hán. Trong lúc mọi người đang mãi nghĩ thì bên triền núi xuất hiện một người con gái. Người con gái đẹp khiến chàng trai nào cũng ngỡ ngẩn và lặng đi. Giữa lúc đó, cô gái đưa cho tiểu đồng một tờ giấy nhỏ. Chú bé đến chào mọi người và trao tờ giấy. Đọc mới biết hoá ra là vế đối trả lời Văn Đạt. Vế đối như sau:

*“Gái mình nguyệt ngời trong cung nguyệt
Nguyệt nguyệt bằng quân tử trượng phu”
câu này có nghĩa
“Trăng làm bạn với quân tử trượng phu.”*

Vế đối hay và có tình ý nên mấy người bạn xúm vào ghép nàng cho Văn Đạt. Sau hỏi mới hay, người con gái đó tên là Hương (sau đổi thành Minh Nguyệt), họ Nguyễn.

Cảm kích trước tài năng, sắc đẹp và tấm lòng, sau Văn Đạt tìm đến nhà và cưới người đẹp làm vợ thứ. Lấy được nhau hai người có bạn tâm đắc nhưng sau đó vì không có con, bà buồn rầu nên xin với Nguyễn Bình Khiêm cho tu tại gia. Ông ra sức khuyên giải. Bà nhìn về phía quê cha, nói: “ *Hải bất ba đào khan hải tĩnh*” - biển không có sóng cạn thành biển lặng. ông đáp lại: *Hồ vô minh nguyệt bán hồ mê* - Hồ không có ánh trăng thành hồ mê muội. Lòng ông vẫn quuyến luyến nhưng bà nhất quyết dứt bỏ cõi phàm, ông đành dựng cho bà ngôi chùa, bà không con nên ông trồng cho bà 2 cây mai cho bà chăm sóc và làm bạn qua ngày. Từ đó chùa gọi là chùa Song Mai.

Chùa Song Mai hiện có hai câu đối:

*“Tón bút song phong trung phúc quả
Hàn giang nhất đờn dưỡng tâm hoa.”*

Vé đầu bà làm với ý nhờ hàng núi bút mà ông ở đất này hưởng lộc, ông làm về sau: bà ở bên dòng sông Hàn nuôi tấm lòng đẹp như hoa.

2.4.1.4. Các công trình khác

Trung tâm, nơi khoảng sân di tích là bức tượng Trạng Trình lớn bằng đá Granit cao 5,7m, nặng 8,5 tấn. Đây là bức tượng đài điêu khắc công phu, và được tả trong tư thế ngồi tay cầm bút, tay cầm sách, y phục nhà Nho, cốt cách giản dị. Trên chiếc lư hương lớn bằng đồng đặt phía trước tượng ông dường như lúc nào cũng nghi ngút khói hương. Hai bức phù điêu, mỗi bức có cao khoảng hơn 5 mét, dài hơn 20 mét và được làm khá hoàn chỉnh cả về nội dung, bố cục mỹ thuật... Một bức diễn tả lại cuộc đời sự nghiệp của Trạng Trình từ lúc còn bé đến cuối đời; bức kia diễn tả một giai đoạn lịch sử của địa phương từ khi thực dân Pháp xâm lược cho đến nay. Phía sau tượng là 5 ngọn giả sơn, làm Huyền Vũ.

Theo KTS. Phạm Vũ Hội, người thiết kế khu di tích cho biết thì đây quy hoạch theo phong thủy, trung tâm là tượng Trạng Trình, trước là hồ bán nguyệt, bồn hoa tượng trưng cho Chu Tước. Hai bên là Bạch Hổ và Thanh Long.

Công trình được quy hoạch với nhiều cây xanh, vườn quả, đặc biệt trong vườn có nhiều tượng được đúc bằng đá Granit, có kích cỡ bằng người thật - diễn tả lại cuộc sống xung quanh làng xã của Trạng. Những bức tượng này còn lưu truyền một câu chuyện về lời sấm mà ai đến đây thăm quan cũng đều hết sức thích thú và khâm phục tài năng của ông. Chuyện kể rằng:

Sau khi Trạng mất, ở làng Cổ Am có lập đền thờ. Một hôm ở trong làng có cha con thằng Khả đi bắt chuột ở bên ngôi mộ cụ vô ý làm đổ tấm bia trên mộ. Dân làng thấy thế mới bắt về đình phạt ba quan tiền vì khi tấm bia đổ xuống thấy có hàng chữ ở sau:

*”Cha con thằng Khả
Đánh ngã bia tao
Làng xóm xôn xao
Bắt đền tam quán”*

Cha con thằng Khả chạy đi kiếm mãi cũng chỉ được có một quan tám nhưng dân làng không chịu. Nó cãi rằng:

”Cha con tôi lỡ làm nên cụ Trạng chê bắt phạt có quan tám. Cụ đã biết trước cha con tôi chỉ chạy được có như thế nên mới nói bắt đền tam quán”. Tam quán mà nói lái thì thành quan tám chứ không phải ba quan. Ai đời nếu không thế sao cả bài không có chữ Nho nào nên mới dùng hai chữ Nôm nói lái mà ra. Dân làng không tin hãy cứ xin âm dương trong đền cụ mà xem”.

Vì túng thế, cha con thằng Khả cãi liều như vậy nhưng dân làng nghe cũng có lý mới đi lễ đền cụ xin âm dương thì quả như vậy thật. Cứ xin hoài ba quan mà hai đồng tiền vẫn cứ khi thì xấp cả, khi thì ngửa cả. Chỉ tới khi khấn là quan tám mới được đồng xấp, đồng ngửa mà thôi. Mọi người lại càng tin phục cụ Trạng.

Một nơi đáng chú ý khác đó là nhà trưng bày các tư liệu lịch sử liên quan đến Nguyễn Bình Khiêm nằm ở phía trước cổng tam quan. Đó là một kiến trúc có mái hình bát giác. Trong số các hiện vật trưng bày ở đây, có chiếc tử kê ở chính giữa.

Trên đó là một số tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm như Sấm ký bí truyền gồm các lời tiên đoán của ông về tương lai; Bạch Vân am thi tập, Trình Quốc công Bạch Vân am thi tập là tập hợp một số những bài thơ chữ Hán và chữ Nôm của ông về nhân ảnh thế thái hay cảnh đẹp thiên nhiên. Đáng chú ý, có một hiện vật gốc là một phiến đá phẳng còn lại của một cây cầu đá, phiến đá xanh có thước 1,2m x 0,4m x 0,6m, trên đó có 3 chữ Hán: "Trường Xuân Kiều" (tức cầu Trường Xuân). Phiến đá xanh đã nhận một mặt bởi dấu chân người đi qua. Dòng chú thích bên cạnh ghi rõ đây là cây cầu do Nguyễn Bình Khiêm và nhân dân trong vùng dựng vào năm 1543 dùng để bắc qua con mương nhỏ vào chùa Mét. Tương truyền: cây cầu của một bà Hậu, con dâu họ trần buôn bán đồ lụa, đũa, vải, tơ, do làm ăn phát đạt nên xin tiến cúng làng một cây cầu bắc qua một con ngòi chạy từ Đại Đình ra sông Hoá chia hai làng Đông Am và Cổ Am. Phía Bắc cầu là chùa Mét, Phía Nam là đầm Đuôi và sông Hoá. Phía Đông là Cổ Am qua Đông Am sang Liễu Điện. Cây cầu có một nhịp, 4 trụ đá ở bốn góc. Trên bốn trụ có hai thanh ngang bằng đá lát ở trên.

Năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt qui hoạch chi tiết dự án bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích Danh nhân văn hoá, giao cho Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư thực hiện dự án bao gồm 3 hạng mục chính là đường vào đền dài 360m; cải tạo, mở rộng núi sấm cũ từ 5 ngọn thành 9 ngọn với chiều dài là 136m, rộng 45m, chiều cao ngọn thấp nhất 5,2m, cao nhất là 12,25m; và cải tạo nâng cấp đền thờ chính, xây mới đền thờ song thân phụ mẫu, nhà khách, nhà Thủ từ, bình phong, lư hương, lầu hoá vàng, cổng vòm, tường bao... Tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt của 3 hạng mục là 41,6 tỷ đồng.

Để triển khai thực hiện các hạng mục, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định và lựa chọn những nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và khả năng tài chính thi công công trình. Vì vậy khi đến thăm đền hiện du khách bắt gặp nhiều công trình vẫn còn dang dở trong quá trình nâng cấp, xây mới các hạng mục.

2.4.2. Các di tích liên quan thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm tại huyện Vĩnh Bảo

2.4.2.1. Chùa Mét

Chùa mét có nguồn gốc từ tên gọi của một cánh rừng tồn tại ngày xưa; chẳng cứ gì ngày nay mà thờ sinh thời Nguyễn Bình Khiêm có lẽ đã không còn. Tên chùa vốn là Hương Tản tự rồi đổi thành Thiên Hương tự vào đời Cảnh Hưng – cái thời nổi tiếng một phần nhờ câu ca dao:

*“Mẹ em tham thúng xôi rền
Tham con lợn béo tham tiền Cảnh Hưng...”*

Cảnh Hưng là niên hiệu của vua Lê Hiển Tông(1740 - 1786), đó cũng là thời của 3 chúa Trịnh: Trịnh Doanh(1740 - 1767), Trịnh Sâm (1767 - 1782), Trịnh Tông (1782 - 1786). Sự tích kể, chùa do Trần Khắc Trang xây dựng. Trần Khắc Trang sau bị thương ở trận Hàm Tử chống quân Minh tháng 3 năm Đinh Hợi(1407) đã được một tù tướng người Cổ Am đưa về quê mình chạy chữa, sau khi thoát khỏi, ông giấu tung tích và ở lại Úm Mạt (Cổ Am) khai khẩn đất hoang sinh cơ lập nghiệp, trở thành ông tổ họ Trần ở đây. Hơn hai trăm năm sau, họ Trần có thêm vị tiến sĩ thứ hai đỗ khoa Quý Sửu (1733), là Trần Công Hân. Ban đầu Trần Khắc Trang dựng chùa Mét chỉ nhằm làm nhà thờ họ nhưng do trót làm bè thế theo kiểu cung đình nên e mắc tội, bèn xin tượng ở một ngôi chùa thuộc xã Dũng Tiến về thờ, từ đó thành chùa và mới đặt tên là Hương Tản Tự. Chùa Mét trở thành ngôi trường đầu tiên của Trạng. Trần Ông Sóc, nhà sư của chùa là thầy của Nguyễn Văn Đạt(tên của Nguyễn Bình Khiêm khi còn nhỏ). Sau này Trạng đã vận động các bộ lão trong vùng công đức tiền trùng tu chùa, dựng chiếc cầu đá Trường Xuân trước cửa chùa. Chùa hiện nay có 7 gian và 3 cung theo kiểu chữ “son” theo lối “chông rường, giá chiêng”. Cung bên phải thờ Đức ông, cung giữa thờ Phật và cung bên trái thờ cụ Tổ họ Trần. Kết cấu của chùa đều được chạm nổi hình hoa lá mây cuốn...khá tỉ mỉ và trau chuốt. Tại toà phật điện Phật còn ghi lại dòng chữ Hán

“Quý Sứ niên tu tạo, Hoàng Khải Định bát niên” ghi lại hai lần trung tu lớn vào năm 1853 và 1923. Trong chùa còn có vườn cây cổ thụ, ăn quả bốn mùa hoa lá tốt tươi, tăng thêm vẻ u tịch, tôn nghiêm.

2.4.2.2. Chùa Thái Bình

Theo đường 17 từ thị trấn dọc kênh Chanh Dương xuôi về phí đông hướng thẳng ra biển. tới gần điểm cuối cùng của con đường sẽ thấy giữa không gian quang đãng, chùa Thái Bình hiện ra với gác chuông cao 3 tầng, tầng giữa trở bốn mặt thoáng treo quả chuông đồng, tiếng chuông từ đây ngày ngày ngân vang, gọi lên sự ấm áp, yên bình.

Gia phả họ Trần làng Dương Am(Trần Dương) có ghi: “Trình Quốc Công trở lại cửa khẩu, xin chỗ cạnh làng Am, lập chùa bên cửa biển, gọi là Thái Bình tự...”. Thời ấy chắc hẳn Dương Am sát ngay cạnh biển và chưa được trù phú, tuy cách quê trạng không xa nhưng lối đi khó khăn, đến được đã khó, Trạng lại tìm thế đất cắm chỗ cho dân dựng chùa. Đất bãi còn chưa vững mà ngôi chùa qua được trăm năm gió bão, còn được đến ngày nay quả là điều phi thường. Phải vào trong chùa mới thấy những cây cột, cây kèo không lớn lắm, vậy mà đứng vững suốt bao nhiêu năm qua. Lịch sử để lại với câu chuyện trong cuộc kháng chiến với quân Nguyên – Mông, Vĩnh Bảo là chiến trường ác liệt. Sông Hoá từng đắm nước mắt con voi chiến của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sa lầy trên dòng nước xiết.

Trong chùa, phía bên trái ngay từ cửa vào là tượng thờ Nguyễn Bình Khiêm, ở giữa thờ Tượng của Hưng Đạo Vương và bên phải là tượng người con cả của Hưng đạo Vương- Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, người đã có công trấn giữ một vùng biển rộng suốt từ biên giới, từ cửa ông tới vùng biển này.

Phía bắc chùa Thái Bình còn có dấu đàn quốc tế Hải Thần. Tương truyền vua Mạc Mậu Hợp bị bại trận, được Khiêm vương Mạc Kính Điển đưa thoát qua cửa sông Thái Bình ra cửa biển sau đó vua cho dựng đàn ở đây để hàng năm tế lễ tạ ơn

hải thần. Tuy nhiên có truyền thuyết khác kể lại rằng Vua Mạc thoát qua cửa biển là nhờ công chỉ đường của Nguyễn Bình Khiêm.

2.4.2.3. Quán Trung Tân

Quán Trung Tân được dựng năm 1542, đời Mạc Phúc Hải, niên hiệu Quảng Hoà thứ 2. Quán Trung Tân nằm bên bờ sông Hàn. Ngôi quán xuềnh xoàng, “Ba gian am quán lộng hăng mển, cửa trúc bên sông rộng mở hoài” soi bóng trên dòng sông, ẩn dưới tán râm mát của hai cây đa cổ thụ. Qua thơ Nguyễn Bình Khiêm, cũng cho chúng ta thấy một phần quán Trung Tân:

*“Vài gian nhà lá tựa bên sông
Thấp thoáng hai bên, giữa một dòng
Gió lặng, buồm xuôi, trăng bến lạnh
Trời quang rỗng hiện nước mây hồng
Xóm chài lửa rọi chiều nghiêng bóng
Chùa nội chuông rền tiếng vắng không.”*

Cùng với dân làng dựng quán Trung Tân xong và để giải thích cho tên quán “Trung Tân” Nguyễn Bình Khiêm viết:

“Có được cái toàn diện mới là cái trung, nếu không được cái toàn diện thì không phải là cái trung. Biết chỗ nào nên nghỉ (yên tâm) – là bến tốt. Nếu không biết chỗ nào nên đỗ thì là mê tâm - lạc bến... trung nghĩa là biết điều thiện, biết chỗ nào nên nghỉ (tức là biết điều thiện) thì gặp khó mấy cũng không từ bỏ”

Nhưng hiện nay, nhưng người đến đây không còn cơ hội chứng kiến bia đá cổ, bởi qua năm tháng đã bị vùi lấp. Một bia đá mới cao 1,5m nặng 4 tấn được trùng khắc hoàn thành ngày 21/12/2000 do tổng cục du lịch Việt Nam cúng tiến. Nội dung bia giải thích chí trung là chí thiện, toát lên quan niệm sống chủ đạo của danh nhân.

2.4.3. Lễ hội Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

Lễ hội được tổ chức từ ngày 27 đến 29 tháng 11 Âm lịch hàng năm với các nghi lễ văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam, nhằm vinh danh, giới thiệu về thân thế, sự nghiệp và công lao của Danh nhân Văn hóa Việt Nam – Nguyễn Bình Khiêm.

Lễ hội không chỉ nhằm khơi dậy niềm tự hào dân tộc, phát huy các giá trị truyền thống, tình yêu quê hương đất nước mà còn giới thiệu về thân thế sự nghiệp và công lao của danh nhân. Theo sử sách để lại, từ đời Lê Ý Tông niên hiệu Vĩnh Hựu(1735 - 1740) dân làng xin thờ Trạng làm Thành Hoàng chung của toàn xã thờ ở đình chung. Sắc phong của Trạng nay không còn, theo tờ khai của chức dịch Trung Am năm 1938 chỉ giữ được 2 đạo:

Năm Gia Long 10(1811) gia tặng Trạng mi tự Hùng Văn Bác Hợp.

Năm Khải Định 9(1924) gia tặng Quang Ý Dục Bảo Trung Hưng trung đẳng thần.

Trong tâm thức dân gian, Thành Hoàng là biểu tượng quyền lực tinh thần tối cao của một làng, chi phối cả đời sống vật chất và tinh thần, thậm chí cả trong lĩnh vực tình cảm của dân làng. Tôn thờ Thành hoàng là một nhu cầu tâm linh quan trọng của dân làng. Ngày thường vẫn được thờ cúng, song long trọng nhất, hoành tráng nhất là trong ngày lễ hội(Tương niệm ngày mất của Thành Hoàng). Như vậy, có thể thấy, lễ hội Trạng có từ khá lâu. Buổi ban đầu nó là lễ hội trong phạm vi làng xã, đến nay cùng với sự ảnh hưởng mạng mẽ lớn lao của Trạng Trình trong tâm thức không chỉ người dân Hải Phòng mà rộng ra là nhân dân cả nước, lễ hội được tổ chức trên quy mô cấp thành phố, trở thành sự kiện văn hoá lớn trên địa bàn thành phố, thu hút rất nhiều khách trong và ngoài nước đến dâng hương tưởng niệm.

Dù được tổ chức ở cấp độ nào thì lễ hội đền Trạng vẫn giữ được những nét văn hoá truyền thống cơ bản của một lễ hội dân gian cùng đồng bằng Bắc Bộ. Phần lễ với những nghi thức trang trọng, thiêng liêng:

○ Lễ Mộc dục(lễ tắm tượng): Các cụ già trong Làng Trung Am chuẩn bị ngũ vị hương, vải điều để rửa tượng, lau đồ thờ, chỉnh trang lại đồ thờ để chuẩn bị cho lễ hội.

○Lễ Cáo Yết : Chuẩn bị về văn tế, và làm lễ xin phép Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm để được tổ chức lễ hội.

○ Lễ tế mở cửa đền: Được tổ chức vào sáng ngày 27 gồm các ban lãnh đạo của huyện, địa phương và các cụ trong làng. Mâm tế lễ mở cửa đền bao gồm thủ lợn, xôi gà, và hương hoa, các cụ trong làng Trung Am được coi như những người con trưởng ra tế mở cửa đền, khâu lễ diễn ra trang nghiêm, được bài trí các đồ tế tự, phần tế diễn ra trong 3 tuần: Tuần hương, tuần rượu và tuần đọc chúc văn. Sau đó là phần dâng hương các cấp lãnh đạo các cấp, của nhân dân địa phương và những người hành hương và bắt đầu mở cửa đền.

○ Lễ rước kiệu biểu tượng lễ hội được tiến hành. Đoàn rước theo thứ tự có cờ hội trên đề chữ “Trình Quốc Công”, đội trống 100 người, kiệu hoa, kiệu hương, kiệu bài vị quan Trạng 2 lợn, đội tế nam, tế nữ. Phường bát âm đi trước, sau phường bát âm là lợn tàn bát biểu, nhang án, long đình và kiệu rước quan Trạng(gọi là kiệu bát cống). Sau kiệu là 29 kiệu của 29 xã thị trấn, mỗi đội có khoảng 30 người mặc đồng phục lễ hội. Sau cùng là đội Hồng Kỳ cùng với hàng ngàn nhân dân địa phương và khách thập phương. Hàng năm có khoảng 3 đến 5 vạn lượt người về dự hội và dâng hương.

Sau phần hội là các trò chơi dân gian mang đậm những nét đặc sắc của quê hương như: đấu vật truyền thống, đua thuyền trên sông Hàn, thi pháo đất, múa rối nước trên hồ Bán Nguyệt, và có các hoạt động liên hoan văn nghệ của huyện Vĩnh Bảo.

Lễ hội thường niên được tổ chức ở quy mô cấp làng, xã để tưởng niệm người con ưu tú của quê hương - một Danh nhân văn hoá của dân tộc, song cùng với thời gian, tầm ảnh hưởng của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm trong tâm trí người dân Việt

ngày càng lớn, năm 2000, nhân kỉ niệm 415 năm ngày mất của ông, lễ hội Trạng Trình đã được tổ chức trên quy mô cấp thành phố, trở thành sự kiện văn hoá quan trọng của thành phố Hải Phòng.

2.4.4. Đánh giá chung về các di tích thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

2.4.4.1. Văn hoá lịch sử

Đền Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là nơi lưu dấu của một con người có tầm văn hoá lớn, một cây cổ thụ toả bóng cả thế kỉ XVI của đất nước. Am Bạch Vân, ngôi trường ở một nơi thôn dã đã trở thành trung tâm đào tạo nhân tài của cả nước, từ ngôi trường ấy của trạng Trình, nhiều người sau này đã trở thành nổi tiếng: Lương Hữu Khánh, Giáp Hải, Phùng Khắc Hoan, Nguyễn Dữ, Nguyễn Quyện, Đinh Thời Trung,... Hiếm có ai có thể đào tạo được nhiều nhân tài như vậy. Không những thế Trạng Trình còn làm thầy của cả một tập đoàn phong kiến như Trịnh Tùng, Nguyễn Hoàng, còn vạch đường chỉ lối cho triều Mạc thời mạt vận để bảo tồn dòng họ về sau. Tính văn hoá, tính lịch sử nơi đây còn bộc lộ qua các giai thoại về danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm cuốn hút, mê đắm lòng người. Mặc dù các giai thoại có nhiều nhuận sắc, nhưng đều là những câu chuyện có thật, nó cho thấy tầm tư tưởng, cái nhìn bao quát về thời cuộc, quan điểm rộng lớn về nhân sinh, đặc biệt là tầm tiên tri, khả năng dự báo đến kì lạ của ông. Từng điểm trong di tích đều gắn bó với những lời sấm truyền của Nguyễn Bình Khiêm, điều ấy làm cho nơi đây trở lên linh thiêng hơn bao giờ hết. Khu vườn tượng thì gắn với câu chuyện lời tiên tri “*Cha con thằng Khả...*” đánh đổ bia thờ, rồi khu đền trạng thì gắn với lời dự báo mà “*...thằng Trứ*” đọc xong cũng hết hồn hết vía không còn nghĩ đến chuyện phá đền.

Bởi thế, di tích đền trạng như một nơi ghi dấu đầy đủ về cuộc đời của Nguyễn Bình Khiêm, về một phần lịch sử của đất nước và có tầm ảnh hưởng lớn đến văn hoá của dân tộc.

2.4.4.2. Kiến trúc, mỹ thuật

Về kiến trúc, mỹ thuật các di tích trạng trình Nguyễn Bình Khiêm đều toát nên vẻ đẹp nghệ thuật. Nó vừa có chức năng tôn giáo, tín ngưỡng vừa đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ, văn hóa tinh thần của cộng đồng. Tất cả các công trình trong đền đều kết hợp chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau trong đó mỗi một công trình lại có một ý nghĩa khác nhau.

Du khách đến Bạch Vân Am, nơi tạo nguồn cảm hứng của một nghìn bài thơ Hán, thơ Nôm, nơi nói lên sự thanh bạch, trong sáng của lòng trung, nơi đào tạo hàng trăm nhân tài cho đất nước... Còn gì rung cảm hơn, lôi cuốn hơn khi đứng ngay trên nền Am cũ, được ngâm, được bình thơ Trạng để chiêm nghiệm về nhân tình thế thái, về đạo lý ở đời.

Còn đến khu vườn Trạng, thì lại có một cảm giác khác, đó là một vùng “Giang sơn như hoạ, bút sinh hương”, êm ả, tĩnh mịch, với vườn rau, ao cá; với nào là “Thu tắm hồ sen, hạ tắm ao”, có cỏ thụ rợp đường, hoa say ngát, trúc rủ che, có sương dính dệp ban mai, có trúc cài trăng buổi tối, bóng lọt thuyền đêm khuya...

2.4.4.3. Tinh thần đạo học

Đề cao tinh thần của đạo học, khi ông về quê đã mở trường. Tư tưởng của ông cho rằng: dạy học trước hết là để vực lại nền đạo đức đang suy đốn và qua đó ông hy vọng chấn chỉnh lại kỷ cương, trật tự của chế độ phong kiến thời bấy giờ. Bằng gương sống trực quan, ông luôn tự rèn luyện mình nêu cao phẩm chất cao khiết của một nhà giáo thanh bần. Bởi vậy trong hệ thống các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm, khu vực đền thờ Trang Buyên ở xã Lý Học có vị trí quan trọng, đóng vai trò trung tâm của hệ thống di tích. Ngôi đền hiện nay được xây dựng trên nền cũ của Am Bạch Vân xưa, nơi Nguyễn Bình Khiêm ngồi dạy học, đào tạo nhân tài cho đất nước. Khi nghiên cứu về Am Bạch Vân xưa, nhà sử học Ngô Đăng Lợi cho rằng: “Am Bạch Vân vừa là trường đại học tư thục lớn nhất nước ta vừa là một thị xã tiêu biểu của nước ta hồi thế kỷ XVI”. Khi ông mất, Am

Bạch Vân được nhà nước phong kiến liệt vào hàng cổ tích của xứ Hải Dương xưa. Từ đó đến nay di tích luôn được coi trọng, trùng tu, sửa chữa khi bị xuống cấp.

Ông là người truyền lại tinh hoa, trí tuệ của xã hội từ thế hệ này cho thế hệ khác, thông qua dạy chữ để dạy người, là người khơi dậy sức sáng tạo ở thế hệ tiếp theo làm rạng rỡ non sông đất nước. Am tường nhiều lĩnh vực, không những đào tạo nên nhiều người tài, mà vua chúa cũng phải vị nể xin ý kiến về chính trị, về quốc kế dân sinh. Chính đạo học cao cả đó đã thấm nhuần vào con người nơi đây. Bất cứ ai sống trên đất học Vĩnh Bảo đều tự hào với truyền thống đó. “Đông: Cổ Am, Nam: Hành Thiện” là câu nói về đất văn vật, đất học, đất quan Cổ Am của Vĩnh Bảo và Hành Thiện của Nam Định. Khắp Vĩnh Bảo vào thời phong kiến, nơi nào cũng có các vị đỗ đại khoa, còn đỗ cử nhân, tú tài hoặc chỉ trải qua thi hạch rồi ở nhà làm thầy đồ, thầy khoá thì nhiều vô kể. Nhiều vị tuy không đỗ đại khoa nhưng trong quá trình được nhà nước phong kiến giao cho những trọng trách đã tỏ rõ tài năng và trở thành những vị quan danh tiếng như Thương thư Đào Trọng Kỳ - có công đào kênh Chanh Dương mang lại lợi ích mãi về sau.

2.4.4.4. Điểm thu hút khách du lịch:

Khu di tích Đền Trạng, thờ Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), vị Trạng nguyên lỗi lạc, một danh nhân văn hóa lớn của đất nước. Không chỉ được biết đến là một nhà thơ, nhà triết học, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm còn là ông Trạng của dân gian qua 300 câu sấm Trạng lưu truyền đời này sang đời khác. Không sa vào mê tín, thần bí, nhưng việc khôi phục sự hấp dẫn về văn hóa tâm linh, cắt nghĩa một cách có cơ sở triết học, suy tôn một danh nhân văn hóa dân tộc là cần thiết để hướng dẫn du khách khi đến nơi đây thành kính thấp nén hương tưởng nhớ, tìm hiểu và nghe bình sấm Trạng, lời cuốn du khách với mục đích hướng thiện. Đã nghe và từng đọc về Trạng Trình, chắc chắn nhiều du khách mong muốn hơn một lần được đến tận nơi để mắt thấy, tai nghe và có những giây phút

thư thái: cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà để đắm mình vào không gian lịch sử mà sinh thời Trạng từng trải.

Thăm khu di tích, nghe về thơ văn, thân thể sự nghiệp của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, du khách còn được thưởng thức cả hương vị ẩm thực của quê hương Trạng. Người dân Vĩnh Bảo khéo tay, hay làm, chế biến nhiều món ăn đồ uống địa phương đa dạng, sẽ làm hài lòng du khách.

Đôi nét ấy đủ để thấy được sức hấp dẫn của chương trình du lịch thăm khu Đền Trạng. Với một hàm lượng văn hóa cao, trên cơ sở tôn trọng lịch sử, du khách bị lôi cuốn qua những di tích, di sản còn lại, đặc biệt là qua thơ văn, bia, sấm Trạng và nội dung hướng dẫn, thuyết minh về thân thể, sự nghiệp, tài thơ văn, tài tiên tri, phong cách, lối sống, đạo đức, tấm lòng đau nước thương dân của danh nhân văn hóa Trạng Trình, đúng với "tiếng tăm lừng lẫy như sấm rền, năng lực như cột trụ chống trời, tài năng kiệt xuất, dung mạo rực rỡ như tiên nơi trần thế" của Trạng Nguyễn Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm. Khu di tích Đền Trạng được giữ gìn, trùng tu, xây dựng và khai thác trong phát triển du lịch, đã và đang là trọng tâm của tuyến du lịch du khảo đồng quê Hải Phòng với các điểm du lịch phụ cận phong phú như xem rói cạn Bảo Hà, rói nước Nhân Hòa, thăm Đình Nhân Mục, làng nghề tạc tượng Đồng Minh ở Vĩnh Bảo và kéo dài tuyến ra Núi voi Kiến An, Đồ Sơn, Cát Bà, làm nên nét đặc sắc không đâu có ngoài Hải Phòng.

Bên cạnh đó nhiều người đến với di tích thờ Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm như một cuộc hành hương không thể thiếu trong cuộc đời. Bởi thế mà những sự kiện lễ hội lớn chẳng thể nào thiếu Giang tộc từ Ninh Bình ra, họ là con cháu của Hàn Giang hầu, con trưởng Trạng Trình; không bao giờ vắng mặt đồng bào tỉnh Cao Bằng – con cháu hậu duệ của nhà Mạc xưa; cũng không vắng đại diện của đạo Cao Đài (đạo thờ Nguyễn Bình Khiêm, Vichto Huygô, Tôn Trung Sơn).

CHƯƠNG 3.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ CÁC DI TÍCH THỜ DANH NHÂN VĂN HOÁ NGUYỄN BÌNH KHIÊM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Thu nhập, sưu tầm, nghiên cứu và soạn thảo tư liệu, tài liệu liên quan đến cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của Trạng Trình.

Có 3 nhóm tư liệu cần được quan tâm:

- Tư liệu về thân thế, gia đình, cuộc đời và sự nghiệp của Trạng Trình
- Tư liệu về văn học và đặc biệt là các câu sấm nổi tiếng của Trạng Trình
- Tư liệu về vùng quê Tràng Am, Lý học và Vĩnh Bảo

Trên cơ sở những tài liệu, tư liệu dành cho công tác nghiên cứu (vốn dĩ rộng và sâu hơn), nhất thiết phải có sự biên soạn cẩn thận và công phu một số tài liệu thống nhất dành cho phục vụ du lịch.

Có lẽ vài thế kỷ nay người nghiên cứu và các sản phẩm nghiên cứu về danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm thì không ít, kể cả trong sự tích dân gian. Song nghiên cứu về Nguyễn Bình Khiêm một cách chỉnh thể và có mục đích tổng thể (trong đó có mục đích phát triển du lịch) thì không nhiều. Vì vậy đã đến lúc trong mục đích nghiên cứu về danh nhân Nguyễn Bình Khiêm phải ý thức nghiên cứu về phát triển kinh tế, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh. Nếu làm được như vậy thì chắc vong linh Trạng Trình cũng vui lòng cùng chúng ta hôm nay. Để đạt tới điều đó, theo tôi cần phải:

- Tổng kiểm kê những di tích liên quan đến Nguyễn Bình Khiêm trong cả nước. Đánh giá đúng mức độ nguyên bản và đã qua trùng tu tôn tạo.

- Lên danh mục những tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm (đã qua thẩm định), phân rõ những tác phẩm ấy thuộc triết học, văn học, hay khoa học dự báo.

- Dựng lại bức tranh xã hội học ở thế kỷ XVI và đặt Nguyễn Bình Khiêm trong hoàn cảnh ấy để viết tiểu sử của Trạng Trình. Phải có bức tranh này mới hiểu sâu sắc Nguyễn Bình Khiêm.

- Với danh nhân Nguyễn Bình Khiêm cần phải làm rõ hai tuyến: đâu là chính sử, đâu là huyền sử, dã sử về Nguyễn Bình Khiêm. Để phát triển du lịch chúng ta không chỉ coi trọng khai thác phần chính sử về Nguyễn Bình Khiêm, mà phải coi trọng cả phần huyền thoại về Nguyễn Bình Khiêm giống như một vở kịch, một bộ phim, một bức tranh xã hội: có nhân vật chính và nhân vật phụ.

Nói tóm lại phải có một đợt kiểm kê toàn diện việc nghiên cứu Nguyễn Bình Khiêm. Sau đó sao chụp, tập hợp mang về trưng bày ngay tại mảnh đất sinh ra Trạng Trình (chứ không để rải rác như hiện nay). Việc làm này vừa tăng thêm giá trị của di tích, vừa có sức hút đối với khách du lịch. Đặc biệt đối với học sinh, sinh viên, trí thức Hải Phòng - Nó là một trung tâm tư liệu để tiếp tục nghiên cứu Trạng Trình. Cũng từ kết quả này cần bổ sung tiểu sử Nguyễn Bình Khiêm toàn diện hơn, sâu sắc hơn, sinh động hơn và chính thể hơn.

3.2. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy vai trò của các di tích thờ Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm trong phát triển du lịch.

- Cần mang tính hệ thống:

Khu di tích Trạng Trình phải bao gồm không chỉ đền thờ, mà cả những di tích khác đã gắn liền với tên tuổi và cuộc đời của Trạng Trình. Hiện tại dường như chúng ta mới chỉ tập trung cho đền thờ, còn các điểm khác thuộc khu di tích hầu như chưa được quan tâm đến.

- Đảm bảo tính chính xác và chân thực về lịch sử, kiến trúc và văn hoá của di tích:

Qua những gì được thấy và được biết, tôi cho rằng khu di tích này không mang tính bề thế và hoành tráng. Các nguyên tắc cơ bản trong trùng tu và bảo tồn đương nhiên phải được tuân thủ chặt chẽ. Khu di tích phải có được phong cách giản dị, thanh thoát nhưng vẫn trang nghiêm. Tuyệt đối tránh lạm dụng màu sắc lòe loẹt và các hoạ tiết cầu kỳ. Không nên đưa thêm vào cho di tích những gì mà nó vốn không có.

- Vấn đề đóng công đức cho ngân sách phục vụ trùng tu và bảo tồn:

Đây thực sự là một việc tốt, đáng khích lệ trong khi nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác trùng tu, bảo tồn các di tích còn rất thiếu. Tuy nhiên cần có một cách nhìn hợp lý và tế nhị hơn đối với vấn đề này. Cách gắn biển tên của những người đóng góp công đức ngay tại phần công trình do người đó tài trợ như: cổng, tượng, cột,... không thực sự là cách làm hay. Nó phá vỡ cảnh quan chung của khu di tích. Và có thể theo suy nghĩ của tôi, trong một hoàn cảnh nhất định, nó có thể dẫn tới một xu hướng tài trợ không thật sự từ tâm. Việc khuyến khích và ghi nhận hảo tâm của những người góp công đức là một việc cần và phải làm tốt. Nhưng làm như thế nào cho hợp lý thì chúng ta có thể tham khảo cách làm của nhiều nơi.

Trúc, sen, mai, nhài... những cây, những hoa rất quen thuộc gắn liền với hình bóng của làng quê Việt Nam, cũng là những biểu tượng cho cuộc sống thanh bạch, ngay thẳng, cao thượng, đầy trí tuệ, đậm trữ tình của một nhà giáo, nhà hiền triết, nhà thơ như cuộc đời và cách sống của Danh nhân.

Tôi mạnh dạn đề nghị khu vực quanh tượng đài mà mọi người thường gọi là quảng trường, nên trồng trúc sao cho vừa tạo cảnh, có cảm cảm giác một rừng trúc xanh bao quanh tượng, vừa có thể che nắng, thoáng đãng mát mẻ cho người đến chiêm ngưỡng Tượng Danh nhân. Hồ bán nguyệt nên thả sen. Vườn có trồng mai, nhài. Quán Trung Tân là nếp nhà bình thường có cây đa thường thấy ở các bên đò xưa của đồng bằng sông Hồng.

Rất cần quan tâm tới không gian xung quanh khu di tích. Trong vòng bán kính 500 - 700m không nên cho xây nhà cao tầng, nhà mái bằng. Khuyến khích nhà mái xuôi, ngói vảy, có vườn cau, cây ăn quả, vừa tạo cảnh vừa phục vụ khách du lịch.

Phải đi đến xây dựng Khu di tích này không chỉ là nơi tưởng niệm mà còn là Trung tâm nghiên cứu đầy đủ nhất, một Công viên lịch sử - văn hoá thực thụ như Khu di tích của nhà văn Nga nổi tiếng Pút-skin tại Xanh Pê- téc- bua.

3.3. Giải pháp về duy trì và tổ chức lễ hội danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm

Lễ hội trạng trình Nguyễn Bình Khiêm chiếm vị trí vô cùng quan trọng, bởi nó không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn mang tính sinh hoạt cộng đồng với ý nghĩa rất lớn. Lễ hội đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch của huyện Vĩnh Bảo. Nó như một lời mời, một trung tâm thu hút khách du lịch của huyện.

Tuy nhiên tham gia tổ chức như thế nào để không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được những ý nghĩa tích cực của lễ hội, Nếu tổ chức một cách không hợp lý nó sẽ làm phá đi tính văn hoá truyền thống, tính tôn nghiêm vốn có của một hình tượng văn hoá không chỉ của huyện Vĩnh Bảo mà là của cả thành phố, quốc gia.

Bởi vậy, việc tổ chức lễ hội cần phải có sự phối hợp của các cấp, các ban ngành, tránh tình trạng xô bồ, pha tạp hỗn loạn, tránh tình trạng thương mại hóa, lãng phí trong tổ chức lễ hội mà nhiều khi khó có thể định hướng và kiểm soát được. Cần loại bỏ các hình ảnh xấu tại lễ hội, như mê tín dị đoan, ăn xin, ăn mày, nạn móc túi, bán hàng kém chất lượng. Làm được như thế thì từ các ban ngành, các cấp chính quyền của huyện phải biết phối hợp với nhân dân, tuyên truyền, giáo dục để tăng cường ý thức bảo vệ và phát huy.

3.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

- Phải tổ chức ngay một hệ thống dịch vụ đáp ứng yêu cầu tối thiểu của du khách như ăn uống, mua hàng, nơi vệ sinh, đỗ xe, cấp điện, nước sạch, đảm bảo trật tự trị an, có dịch vụ y tế và tiến tới có cơ sở lưu trú. Cụ thể:

+ Cơ sở lưu trú và ăn uống: đây là dịch vụ giải quyết nhu cầu thiết yếu của du khách nhưng lại là khâu yếu kém nhất trong hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở cụm di tích. Bởi vậy huyện Vĩnh Bảo cần có một chính sách sửa sang, nâng cấp nhà nghỉ các nhà nghỉ hiện có, đồng thời đầu tư và kêu gọi đầu tư để xây dựng các khu vực lưu trú đủ tiêu chuẩn, tiện nghi. Du lịch Vĩnh Bảo có nhiều điểm tương đồng với loại hình du khảo đồng quê, vì vậy để giải quyết tình trạng thiếu nghiêm trọng dịch vụ lưu trú như hiện nay, huyện Vĩnh Bảo có thể triển khai đón khách tại một số nhà dân. Như vậy du khách được cảm nhận gần gũi hơn, mà cư dân địa phương có thêm thu nhập. Muốn làm được như vậy thì chính quyền cần đứng ra tổ chức, đảm bảo. Tạo niềm tin và sự an toàn cho du khách.

Ngoài ra, cần xây dựng một số nhà hàng gần gũi với cảnh quan tự nhiên dân dã, mang tính thôn quê, không đề cao các món sơn hào, hải vị, xa lạ với thực khách mà thay vào đó là các món đặc sản của địa phương với thực đơn phong phú, đa dạng. Và điều quan trọng nhất là đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

+ Hệ thống điện: Hệ thống điện đã được đầu tư, nâng cấp từ nguồn vốn của thành phố. Tuy nhiên, điện mới chỉ phục vụ đủ cho nhu cầu sinh hoạt nhân dân. Trong tương lai, du lịch phát triển hơn, thì cần có một hệ thống điện hoàn chỉnh hơn để đảm bảo điện luôn được ổn định.

+ Hệ thống nước: Điều đáng lo ngại nhất tại Vĩnh Bảo là tình trạng dùng nước mưa, nước sông, nước giếng..., có lẫn nhiều tạp chất, vi khuẩn, không đảm bảo an toàn vệ sinh.

Trong khi đó, nước thải sinh hoạt, sản xuất chảy thẳng ra mương, ao hồ gây ô nhiễm nặng. Bởi vậy cần xây dựng nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch. Ban đầu

sẽ ưu tiên cho các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch nhất, sau đó nhờ vào các nguồn vốn thu lại từ các điểm du lịch này để nâng cấp và phát triển toàn diện hệ thống cấp nước phục vụ cho người dân.

+ Y tế: Đầu tư trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y, bác sĩ có chuyên môn cho trung tâm y tế huyện. Có chính sách ổn định để đảm bảo cuộc sống của những đội ngũ cán bộ y bác sĩ này.

+ Xây dựng hệ thống vệ sinh sạch sẽ: Tại khu du lịch đền trạng nói riêng và các khu dịch khác trên cả nước nói chung, hầu hết các công trình sau khi xây dựng xong đều ít quan tâm đến khu vực “vệ sinh” cho khách. Đó là một nhu cầu rất tự nhiên, rất con người. Giải quyết được vấn đề này là tránh được tình trạng phóng uế lung tung, ảnh hưởng đến mỹ quan, ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm và đe dọa đến môi trường.

- Rất cần có mặt hàng lưu niệm riêng của Khu di tích như huy hiệu tượng Danh nhân, tranh khắc gỗ đền thờ Trạng, sách, tập ảnh nhỏ... có bao bì đẹp, dễ mang với các loại giá bán cho đông đảo du khách đến thăm quan.

Đến đền trạng hiện nay, du khách khó lòng tìm thấy bất cứ một sản phẩm đặc thù, riêng biệt nào mà chỉ có Vĩnh Bảo mới có. Trong khi đó, các sản phẩm từ làng nghề dệt, làm rôi, đèn trời, cùng với các sản phẩm thuốc Lào, bánh đa, gạo tám, rượu Bạch Vân Hương... đều rất nổi tiếng và có từ lâu đời. Thế nhưng du khách vẫn không có cơ hội được tiếp xúc với những sản phẩm mang tính đặc biệt này. Chính vì vậy, để giải quyết tình trạng tẻ nhạt của loại hàng lưu niệm ở điểm tham quan di tích là không khó. Chỉ cần phát huy tốt truyền thống lâu đời của cư dân địa phương, có chính sách hợp lý, tạo ra nguồn thu ổn định, và được khuyến khích từ chính quyền, thì chắc rằng vấn đề nghèo nàn về sản phẩm du lịch sẽ không còn nữa. Nếu giải quyết tốt sẽ đáp ứng được nhu cầu du lịch, tăng thêm thu nhập và giữ gìn được truyền thống của địa phương.

3.5. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch.

Danh từ “đội ngũ phục vụ” ở đây mới nghe có vẻ hình thức và khoa trương. Vì trong thực tế họ chỉ là những ông thợ điện, bà giúp việc. Nhưng chúng ta vẫn phải hiểu và sử dụng thuật ngữ này.

Tiêu chuẩn chính đối với đội ngũ phục vụ là: tận tụy, gắn bó, chân thành và dung dị. Những tính chất này của đội ngũ phục vụ cùng với khung cảnh chung của khu di tích sẽ tạo nên ở khách thăm quan thái độ ngưỡng mộ và trân trọng.

Đội ngũ phục vụ sẽ thực hiện hai nhiệm vụ chính:

- Nhóm quản lý: Bao gồm quản lý, tài chính, bảo vệ, bảo tồn, sửa chữa nhỏ, tạp vụ vệ sinh vườn hoa cây cảnh.

- Nhóm dịch vụ: Bao gồm hướng dẫn viên, bán hàng lưu niệm, sách, trông coi xe ô tô, xe máy cho khách.

Chức danh hướng dẫn viên là vô cùng quan trọng. Đây là người chịu trách nhiệm chính trong việc chuyển tải lượng thông tin cần thiết cho khách tham quan, qua đó chuyển tải được cái hồn của Danh nhân Nguyễn Bình Khiêm, của lịch sử và miền quê Vĩnh Bảo đến với du khách. Để làm được thế, huyện Vĩnh Bảo cần có những chính sách hợp lý cho nguồn nhân lực có trình độ cao. Tổ chức các lớp học thường xuyên do các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch giảng dạy. Tuyển chọn những đội ngũ thanh niên có tâm huyết với nghề, có năng khiếu, có tấm lòng để theo học các lớp nghiệp vụ về hướng dẫn và du lịch. Hơn nữa, những đội ngũ này phải được tiếp cận với những nhà khoa học nghiên cứu về Nguyễn Bình Khiêm, để tiếp nhận những thông tin, kiến thức chính xác.

Đối với khách nước ngoài, tuy chưa nhiều nhưng với đà phát triển và sức hút mạnh mẽ của nguồn tài nguyên thì trong tương lai, chính quyền địa phương cần có những phương hướng đào tạo hướng dẫn viên thành thạo tiếng Anh, Pháp... để đáp ứng nhu cầu tham quan của du khách quốc tế.

Muốn làm được những điều đó, thì chính quyền địa phương cần có một kế hoạch cụ thể, tạo niềm tin, ổn định cho người lao động. Có như vậy mới gắn bó lâu dài họ với nghề được.

3.6. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch.

Phải có cả một chiến lược, một kế hoạch cụ thể, lâu dài, phải có sự đầu tư lớn cho việc quảng bá. Sách, tập gấp, sơ đồ hướng dẫn, phim ảnh, bài viết, đưa tin thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng cả ngoại ngữ và phát hành rộng rãi trong cả nước và nước ngoài. Có thể gắn giới thiệu Khu di tích trong cụm du lịch Vĩnh Bảo, trong tuyến du lịch phía Nam thành phố, trong tài liệu giới thiệu, hướng dẫn chung của du lịch Hải Phòng và Quốc gia.

Phải quảng bá ngay từ đầu và kiên trì. Không thể coi quảng bá là việc làm thêm mà theo suy nghĩ của tôi thì đầu tư cho quảng bá phải được coi là đầu tư cơ bản như đầu tư cơ sở hạ tầng

Hiện nay tài liệu về Nguyễn Bình Khiêm nhiều, nhưng phục vụ cho đối tượng nghiên cứu là chính, chưa có tài liệu phổ cập phục vụ cho du khách thông thường, chưa dịch sang tiếng nước ngoài. Vì vậy cần khẩn trương biên soạn hệ thống hoá tư liệu để có tài liệu đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ đại bộ phận du khách, in đẹp, tiện dụng, đa dạng với nhiều hình thức phát hành rộng rãi.

Thành lập một Website riêng về danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm. Website sẽ là một thư viện trực tuyến, thông tin đầy đủ nhất về ông. Qua đó, khách du lịch ở bất cứ đâu cũng có thể tìm hiểu.

3.7. Thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch.

Để khai thác có hiệu quả cho hoạt động du lịch tại các di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm theo đúng hướng cần phải có chiến lược đầu tư hiệu quả đồng bộ trên cơ sở tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn địa phương và các nguồn lực bên ngoài. Ngoài các nguồn vốn từ các hoạt động

công đức của nhân dân, khách du lịch, cần phải duy động vốn từ các cá nhân, tổ chức hay vay vốn ngân hàng để đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, kinh doanh các cơ sở lưu trú ăn uống nhà hàng, khách sạn,... Đây là những khoản đầu tư lớn, vì vậy muốn thu hút được thì cần có lộ trình cụ thể. Nguồn vốn huy động cần phải sử dụng một cách minh bạch và hiệu quả, tránh lạm dụng hoặc đầu tư tràn lan, gây lãng phí.

3.8. Đa dạng hoá nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

Trước hết theo tôi, khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm nên được nhìn nhận một cách độc lập và cục bộ sẽ chỉ có sức hút với du khách nội địa Việt Nam. Muốn phát triển khu di tích này thành một điểm du lịch có sức hấp dẫn đối với cả khách du lịch quốc tế nhất thiết phải có một kế hoạch phát triển với quy mô và không gian địa lý lớn hơn, trong đó khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm chỉ là một trong ít nhất 3-4 điểm với nội dung tham quan khác biệt, có tính hấp dẫn. Trong điều kiện thực tế hiện nay, chúng ta có thể nghĩ đến một tuyến du lịch với các điểm tham quan như:

- Khu di tích Trạng Trình tại thôn Trung Am, xã Lý Học.

- Xã Nhân Hoà với đình Nhân Mục, múa rối nước ở miếu Cự Điện, thả diều sáo và đèn trời

- Xã Đồng Minh với nghề tạc tượng và biểu diễn múa rối cạn ở miếu Bảo Hà.

Để khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có thể thu hút được khách du lịch đến thăm quan chúng ta cần tiến hành một số việc sau:

Để khu di tích hấp dẫn đông đảo du khách, không thể không gắn Khu di tích với các khu du lịch văn hoá của Vĩnh Bảo.

- Điểm du lịch Đồng Minh, giới thiệu về nghề tạc tượng, miếu Cả, chùa Miếu. Trọng tâm giới thiệu về làng nghề và hệ thống tượng thờ rất phong phú, đa dạng lâu đời mà rất hiếm. Thành phố cũng đã đầu tư khôi phục tượng thành hoàng

có thể đứng lên ngôi xuống, nhà sản xuất trưng bày tượng. Đồng thời xây dựng đội múa rối cạn bán chuyên.

- Điểm du lịch xã Nhân Hoà; giới thiệu một cụm kiến trúc rất đặc trưng của đồng bằng sông Hồng, đình Nhân Mục, các nhà thờ họ, nhà dân cổ làm bằng gỗ, mái lợp ngói vẩy, 3 gian, sân gạch, giếng nước, ao đình... Chọn một số nhà dân tiêu biểu lợp rạ, vách đất, có cổng, có vườn, cối xay lúa, cối giã gạo, giàn, sàng, tổ, nong, nia, bếp, chuồng gà, chuồng lợn, những dụng cụ canh tác lúa nước: cày, bừa, cuốc, thuổng, mai... Đồng thời tổ chức cơ sở sản xuất con giống bằng xơ mướp, rom, rạ, tre, gỗ... và đội múa rối nước bán chuyên ở Cựu Điện.

Chính 2 điểm du lịch này sẽ hỗ trợ làm tăng sức hấp dẫn của du lịch Vĩnh Bảo mà trọng điểm, trung tâm là Khu di tích Danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm. Nếu chỉ có Khu di tích thì sản phẩm du lịch sẽ đơn điệu.

Từng bước sẽ mở rộng ra các điểm đình Quán Khái, đình An Quý có kiến trúc đặc biệt, cầu Nghinh Phong, cầu Trường Xuân... làm bằng đá. Rồi tổ chức giới thiệu về canh tác lúa nước, du thuyền trên kênh đào Chanh Dương, trên dòng Tuyét Giang.

3.9. Nâng cao ý thức người dân về du lịch.

Nâng cao ý thức của cư dân địa phương tại huyện Vĩnh Bảo về du lịch là vấn đề hết sức cấp bách, thường xuyên và lâu dài. Thực hiện phương châm “ Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhằm mục đích bảo vệ và giữ gìn, bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá cần định hướng cho nhân dân.

Chuẩn bị cho họ những kiến thức cần thiết giúp nhân dân hiểu được những giá trị ẩn chứa trong mỗi di tích, mỗi nghi lễ, trò chơi. Bản thân người dân Vĩnh Bảo luôn tự hào bởi được sinh ra trên vùng đất hiếu học và nhiều người tài. Bởi vậy cần hơn nữa sự thúc đẩy của chính quyền để truyền thông đó được giữ gìn và phát triển.

Chính quyền và các ban quản lý di tích cần tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của khách, xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh, không làm huỷ hoại môi trường tự nhiên, không tự tiện xả rác ra nơi công cộng hay các di tích.

Vận động giáo dục cho nhân dân giữ gìn bản sắc văn hoá, truyền thống quê hương, xây dựng tập tục lành mạnh, đặc biệt không có mê tín dị đoan, bói toán, đốt vàng mã ở những nơi có lễ hội, di tích, vừa gây ô nhiễm môi trường vừa phá huỷ các di tích mà nhất là các di tích bằng gỗ.

Người dân địa phương là những người trực tiếp giữ gìn, bảo tồn và phát huy, truyền lại những giá trị văn hoá kết tinh trong các di tích và lễ hội cho các thế hệ sau, là những người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch. Vì vậy những hành vi, ứng xử, thái độ của họ sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý của khách. Chính quyền địa phương cùng ban quản lý các di tích cần ý thức được điều này, có sự khích lệ, ưu đãi kịp thời với người dân địa phương để hoạt động tổ chức lễ hội mang tính chuyên nghiệp hơn.

Xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự, không có tệ nạn xã hội. Như vậy việc tuyên truyền quảng bá nâng cao ý thức về du lịch đối với dân cư địa phương, nơi có các di tích lịch sử văn hoá là rất quan trọng. Hiểu được ý nghĩa khai thác các di tích lịch sử văn hoá cho hoạt động du lịch thì họ mới có ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch,... Đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương và quản lý di tích nên đưa thêm chương trình về lịch sử, địa lí của địa phương vào các trường đại học để nhấn mạnh hơn về lịch sử các di tích, từ đó phục vụ tốt hơn cho hoạt động du lịch.

3.10. Hoàn thiện cơ chế chính sách về du lịch, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch.

Quản lý kiểm tra thường xuyên các cơ chế dịch vụ ăn nghỉ của khách trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo, có biện pháp tạo điều kiện và thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia hoạt động trong lĩnh vực này.

Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các nhà đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển.

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện chương trình kinh tế du lịch của huyện, có nhiệm vụ phân công cho các xã lập kế hoạch chi tiết cho từng ngành đáp ứng nhu cầu mục tiêu phát triển kinh tế du lịch toàn huyện, đồng thời kiểm tra, đôn đốc các cơ quan đơn vị, các địa phương trong quá trình thực hiện.

Chương trình phát triển kinh tế du lịch phải được triển khai theo từng giai đoạn và huy động bằng nhiều nguồn vốn trên các cơ sở kế hoạch cụ thể của các ngành. Kết quả thu được hay những sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện phải được báo cáo với Ủy Ban Nhân Dân huyện để có phương án thích hợp và triển khai kế hoạch tiếp theo trong từng giai đoạn cụ thể.

Cần phải có chiến lược khai thác bền vững. Sự ồ ạt của khách du lịch tại các điểm tham quan sẽ có nguy cơ suy thoái nhanh chóng các di tích và thậm chí làm mất đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của địa phương.

Theo quan điểm phát triển bền vững thoả mãn nhu cầu hôm nay nhưng không ảnh hưởng đến mai sau. Vì vậy khai thác bền vững là phải hạn chế các tác động tiêu cực và với những giải pháp hữu hiệu chứ đừng chạy theo lợi ích trước mắt mà không chú ý đến bảo vệ, tôn tạo thì chính sự phát triển hôm nay lại phá hại đến sự phát triển ngày mai.

3.11. Các kiến nghị khác:

Tại huyện Vĩnh Bảo có rất nhiều làng nghề truyền thống độc đáo, mà nhiều ngành nghề đã trở thành những giai thoại nổi tiếng. Điều đó gây tò mò cho du khách khắp nơi. Ví dụ như: Nghề tạc tượng sơn mài, mà gắn liền với nghề này là nghề làm con rối và nghệ thuật múa rối nước, mùa rối cạn. Múa rối nước ở Việt Nam hiện nay ở nhiều nước trên thế giới biết đến nhờ những chuyến lưu diễn của các nghệ nhân, nghệ sĩ của Việt Nam ở nước ngoài nhưng phải chứng kiến múa rối nước trong một không khí của một nơi thôn dã, đặc biệt là nơi sản sinh ra nghệ

thuật này mới thấy hết phong vị đậm đà của nó. Muốn vậy, chỉ có cách đến các thôn Bảo Hà, Đồng Minh, xem múa rỗi ròi nhìn tận mắt các nghệ nhân tao con rỗi; xem tượng Linh Lang đứng lên, ngồi xuống được, có một không hai ở Việt Nam, chứng tỏ tài năng của các nghệ nhân Vĩnh Bảo xưa. Người Vĩnh Bảo còn có ngành nghề làm và thả đèn trời, rồi làm pháo đất để tổ chức chơi vào mỗi dịp tết đến, xuân về. Còn một ngành nữa cũng rất nổi tiếng đó là nghề dệt của làng Cổ Am. Theo nhiều cụ già kể lại, ngày thịnh vượng nhất của làng nghề cách đây khoảng 20 năm. Hồi đấy, đi dọc đường làng đã nghe thấy tiếng lách cách của các khung cửi từ các căn nhà vọng ra, nếu vào nhà sẽ thấy các khung cửi choán cả một phần nửa của căn nhà vốn đã đầy ắp cột kèo, xà gỗ, các cô gái lặng lẽ chuyên cần làm việc, tay mềm mại đưa đẩy con thoi.

Bên cạnh đó các làng Am còn giữ được nhiều ngôi nhà gỗ cổ có niên đại tính đến hàng trăm năm. Nhưng ngôi nhà gỗ chắc chắn được để lại từ ông cha. Giữ được như vậy là do nếp sống của những người đi sau, được giáo dục cần phải bảo tồn vốn quý đời trước truyền lại.

Từ tất cả những mảnh ghép ấy, nếu dựng thành một bức tranh thì Vĩnh Bảo sẽ trở thành một điểm du lịch tuyệt vời, không kém gì những nơi khác. Với làng ấy, dựng lại chiếc cổng, mảnh sân, dựng lại bể nước, bài trí trong nhà với khung cửi, với vật dụng ngấm màu nét xưa, cùng nếp sống gia phong sẽ là một nét du lịch đặc sắc mà không đâu có. Bất cứ khách du lịch nào cũng sẽ thích thú khi mua một chiếc khăn dệt, hay một con dũi - những sản phẩm mà họ được chứng kiến từ lúc nó bắt đầu đến lúc hoàn thành.

KẾT LUẬN

Hải Phòng - vùng đất vươn mình cùng lịch sử của đất nước. Hải Phòng nổi tiếng với những chiến công chói lọi chống quân xâm lược, với biển xanh cát trắng, với các làng nghề truyền thống và cũng nổi tiếng bởi con người đầy nhiệt huyết sống nơi đây. Chính vì lẽ đó tấm gương Nguyễn Bình Khiêm càng trở thành một phần không thể thiếu trong tâm thức của người dân đất Cảng. Chúng ta được thấy ở Nguyễn Bình Khiêm mọi tư duy triết học cũng như mọi tư duy hình tượng của ông. Những gì ông để lại đều thể hiện một ước mơ cảnh thái bình cho nhân dân. Trong lịch sử văn hoá Việt Nam, Nguyễn Bình Khiêm là một hiện tượng hiếm thấy được nhắc đến với tư cách một nhà thơ, nhà tư tưởng lớn, một người thầy danh tiếng và là một danh nhân văn hoá. Sống trong thời kì đen tối của lịch sử dân tộc, Nguyễn Bình Khiêm đã dành cả cuộc đời mình vào việc giáo dục, giúp dân, giúp nước. Bởi vậy mà các sĩ phu và học trò của ông đã lấy danh hiệu cao quý Tuyết Giang Phu Tử đặt cho ông. Danh hiệu Tuyết Giang phu tử là một danh hiệu cực kì cao quý, chỉ những người sức lớn, tài cao, phẩm hạnh đáng là khuôn mẫu cho đời mới được tôn vinh. Trung Quốc cũng chỉ có Khổng Khâu-ông tổ đại nho được tôn vinh là Khổng Phu Tử. Nói điều ấy để thấy rằng tầm ảnh hưởng văn hoá của Nguyễn Bình Khiêm đương thời là rất lớn.

Cho đến ngày nay, khi lịch sử trôi qua hàng trăm năm, với nhiều thăng trầm, biến cố nhưng tinh thần Tuyết Giang Phu Tử ấy vẫn còn sức sống mạnh mẽ trong lòng người dân Vĩnh Bảo, người dân Hải Phòng. Làm gì để phát huy những giá trị ấy? Đó là một câu hỏi lớn, bởi ngoài sự tự hào, yêu quý của những người dân trên quê hương ông thì những gì còn lại về ông là không nhiều. Nhiều hiện vật, địa danh liên quan đến cuộc đời Nguyễn Bình Khiêm không còn nữa. Điềm lại những di tích chính là Quán Trung Tân, Chùa Mét, Đền thờ chính, Chùa Song Mai, Am Bạch Vân. Chỉ có bấy nhiêu thôi, có đủ để phát triển thành một trung tâm văn hoá và du lịch xứng tầm? Câu trả lời là có. Nhưng để đạt được những điều đó thành phố Hải

Phòng và nhân dân Vĩnh Bảo cần nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng môi trường du lịch lành mạnh, đào tạo nâng cao cả về số lượng và chất lượng lao động đưa du lịch ở cụm di tích Nguyễn Bình Khiêm trở thành ngành kinh tế chính góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Hơn nữa, sự phát triển nhanh trong thời đại công nghiệp như hiện nay, các giá trị văn hoá tại Hải Phòng đang đứng trước nhiều nguy cơ xuống cấp, mất mát. Việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị tài nguyên nhân văn đã và đang trở thành nhiệm vụ quan trọng không chỉ của mỗi quốc gia mà còn là mục tiêu quan trọng của cả nhân loại. Các di tích lịch sử văn hoá được xem xét không chỉ là một nhân tố hợp thành của văn hoá dân tộc mà còn là một bộ phận của môi trường sống con người, là yếu tố có tác dụng thúc đẩy cho sự phát triển du lịch. Lấy cái truyền thống để phục vụ cho cái hiện tại và tương lai, vì vậy việc tìm hiểu và khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn đang là mục tiêu chung để phát triển du lịch cả nước hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thuý Anh và nhóm tác giả *Ứng xử văn hoá trong du lịch*, Nhà xuất bản Quốc gia Hà Nội.
2. Các văn bản báo cáo, tờ gấp liên quan đến hoạt động xúc tiến quảng bá phát triển du lịch tại di tích thờ danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.
4. Nguyễn Bình Khiêm qua Bạch Vân Am – nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh 1997, tác giả Nguyễn Khuê.
5. *Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm - kỉ yếu Hội nghị khoa học nhân 400 mất* - Hải Phòng, 1991.
6. *Luật du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, 2006.
7. *Luật Di sản Văn hoá và văn bản hiến chương thi hành*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
8. Tạp chí sáng tác nghiên cứu phê bình văn học nghệ thuật Hải Phòng, Cửa Biển - số 69 + 70, 2003, bài viết Nơi lưu dấu Trạng Trình – Phương Huyền
9. Tiến sĩ Phạm Từ, *Du lịch đâu chỉ là ăn chơi*, nhà xuất bản hội nhà văn, 2010.
10. PGS – TS Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
11. PTS Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả, *Địa lý du lịch*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
12. Văn hoá văn nghệ dân gian Hải Phòng, nhà xuất bản Hải Phòng, 2001.
13. Bùi Thị Hải Yến, *Tài nguyên Du lịch*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.
14. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch Du lịch*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.
15. Website: <http://haiphong.gov.vn>

PHỤ LỤC

Dưới đây là chúc văn tưởng niệm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm do giáo sư Vũ Khiêu soạn.

Mừng hôm nay:

Trời Vĩnh Bảo bốn mặt treo cờ
Đất Lý Học một ngày mở hội
Xóm làng nhộn nhịp trống chiêng
Đền miếu uy nghi hương khói
Nhớ Trạng Nguyên xưa:
Nương theo phẩm hạnh mẹ hiền
Nhờ được công ơn thầy giỏi
Tuổi ấu thơ, sử sách tinh thông
Thời trưởng thành, tài năng vang dội
Thâu về: Nho, Gia, Phật lão tinh hoa
Gạt lại: Tống, Nguyên, Minh cảm bồi
Tài kiêm văn võ, rộng Nam Dương uốn khúc năm trông
Đức vẹn Nghĩ Nhân, sao Bắc Đẩu ngang trời chiếu rọi.

Nước nhà khi ấy:

Vua ngu đần: một lũ quỷ heo
Quan độc ác: rất phường lang sói
Nhìn gian sơn luống những âu lo
Thấy dân chúng càng thêm nhức nhối
Bao năm quốc cày nắng mưa
Lâm cảnh đói hôm rét tối!
Mặt võ thân gầy
Quần gai áo cối

Những buồn quốc vận đang suy

Lại tiếc thời cơ chưa tới

Cho đến khi:

Nhân dân ghét: Lê nghiệp tàn vong

Thời vận đổi thay: Mạc triều tiếp nối

Rồng gặp mây, đang buổi vầy vùn

Bằng tiện gì đến thời dong duỗi

Đất bằng dậy sấm: danh Trang Nguyên trên bảng hổ tôn vinh

Vua thánh cầu hiền: tài Tể Tướng giữa sân rồng ứng đối

Lấy nông làm gốc, cơm áo đầy đủ khắp nơi

Coi sĩ đứng đầu, học vấn mở mang toàn cõi

Nông thôn thành thị phục hồi

Công nghiệp thương trường đổi mới

Non sông mọi vẻ thanh bình

Dân chúng mười phương ca ngợi

Việc triều đình chưa hết khó khăn

Đạo thần tử càng thêm gắng gỏi

Hiển kế bày mưu

Băng ngàn vượt núi

Binh lửa xông pha

Gió mưa lặn lội

Đến lúc tuổi cao sức yếu, việc trị bình được bớt tham gia

Đang khi cục đờ mai chờ, vòng danh lợi không còn buộc trói

Trở lại quê hương:

Ngôi nhà xưa còn đó thân quen

Mảnh vườn cũ, từng phen vun xới

Non nước thong dong

Tháng ngày rảnh rỗi
Thên thanh ngô trúc vườn cau
Gắn gũi cành cam gốc chuối
Bó củi, cần câu
Bàn cờ, cuộc rượu
Áo mặc thô gai
Cơm ăn dưa muối
Chốn thanh nhàn, đã được thanh thời
Chuyện được mất không còn bực bội
Tắc lòng tiền cảnh, mảnh trăng soi
Giấc mộng trần gian gió thổi
Trung Tân Am quán, nẻo tâm linh những điểm diệu kỳ
Thái ất thần kinh, đài tuệ thức những điều gọi mở
Với Kinh Dịch suy ngẫm cở kim
Cùng Lý học truy tìm cội rễ
Cán cuộc hưng vong
Những phen chìm nổi
Nhìn xa thấy trước, rất tinh vi
Dạy trẻ răn đời, không mệt mỏi
Ai cũng kính yêu
Người thường học hỏi
Chín mươi tư tuổi, câu thơ chén rượu tưởng không già
Suốt bốn mươi năm, nợ nước ơn Vua lòng chẳng nguội

Chúng con nay:

Chí anh hùng nổi lại vạn niên xưa
Tài dũng lược đi vào thiên kỷ mới
Tương lai giàu mạnh: cả nước đi lên

Sự nghiệp văn minh: toàn dân tiến tới
Đường kinh doanh, rộng mở toàn cầu
Đỉnh trí tuệ: trông xa thế giới
Nhìn vào hậu thế thêm vui
Chỉ thươn ông
Ngậm ngùi hai mái tuyết sương
Lặn đạn một đời gió bụi
Ngoài vòng danh lợi: Đôi làn mây trắng bay cao
Trông cuộc bể dâu một tấm lòng son chẳng đổi
Vì sơn hà, đầu trong dạ không nguôi
Vàng nhật nguyệt vẫn trên đầu sáng chói
Quán Trung Tân, ngày 24 tháng 12 năm 2000

MỘT SỐ HÌNH ẢNH DI TÍCH ĐỀN THỜ DANH NHÂN VĂN HÓA
NGUYỄN BÌNH KHIÊM



Hình 1: Đền thờ chính



Hình 2: Am Bạch Vân – nơi Nguyễn Bình Khiêm dạy học



Hình 3: Tượng đài danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm



Hình 4: Bức phù điêu hai bên



Hình 5: Nhà bảo tàng trưng bày tư liệu liên quan đến Nguyễn Bình Khiêm



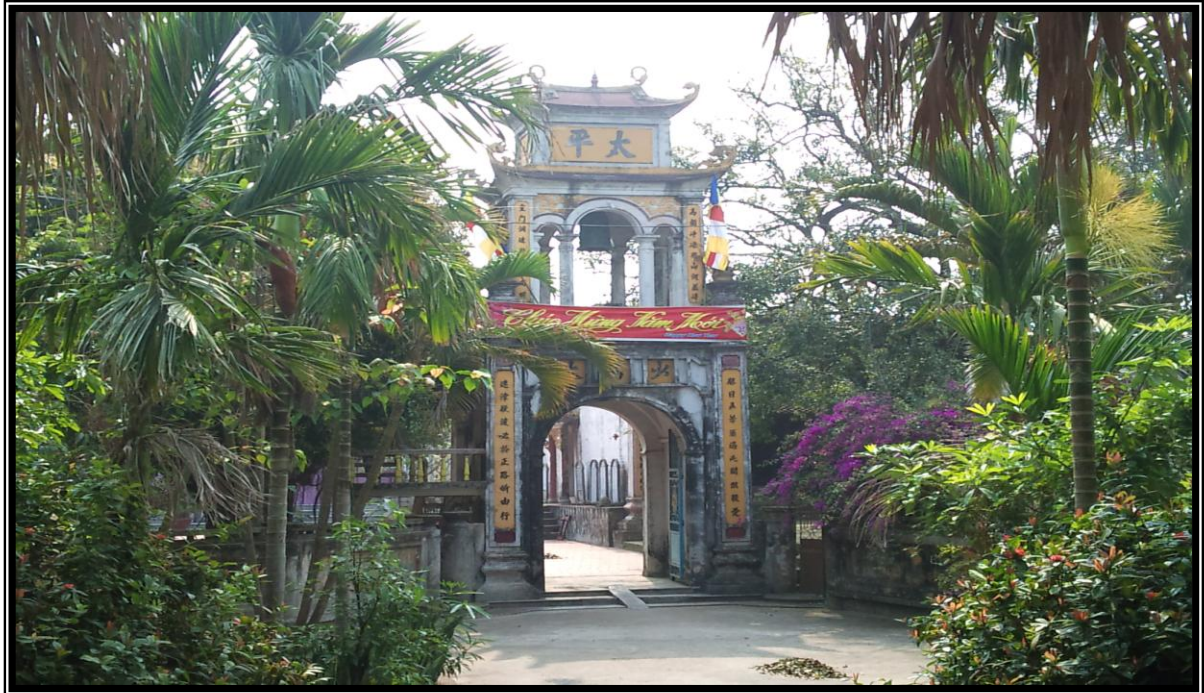
Hình 6: Hồ bán nguyệt



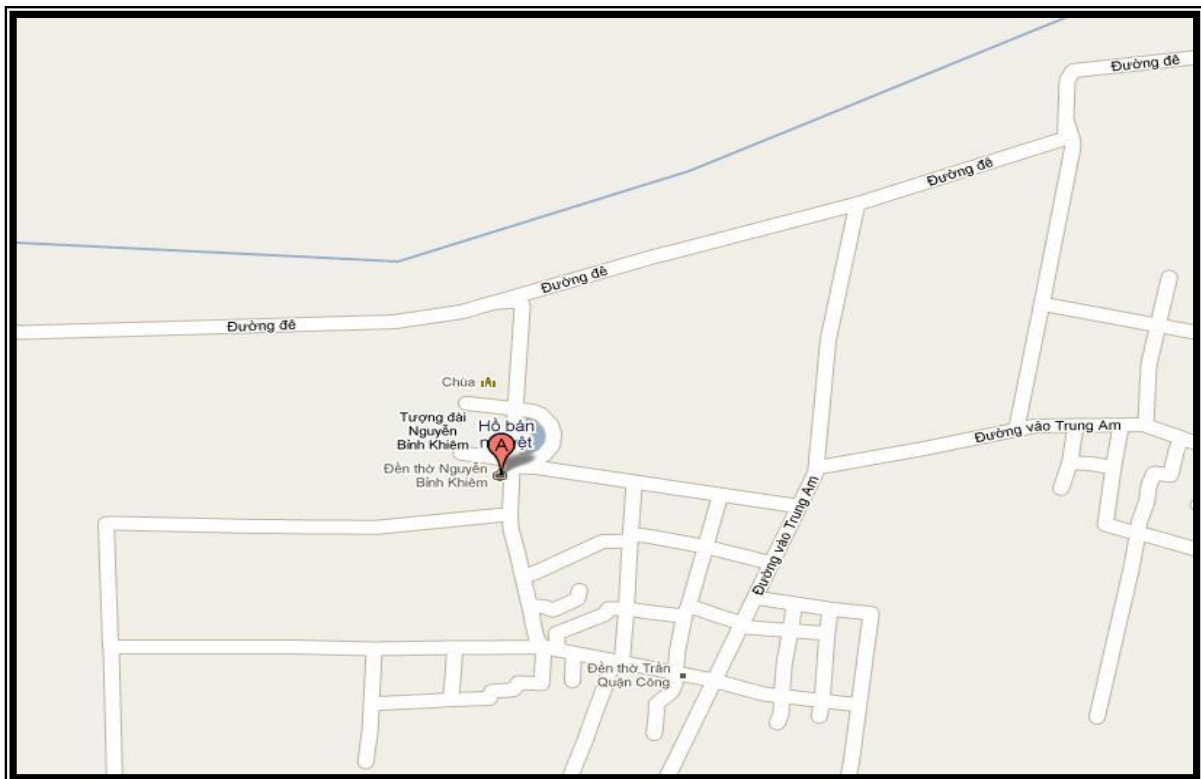
Hình 7: Quán Trung Tâm



Hình 8: Chùa Song Mai



Hình 9: Chùa Thái Bình



Hình 10: Sơ đồ